



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

Được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và
Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

<u>TRANG</u>
1 - 2 A - TP. HCM
3 - 6
7 - 8
9
10 - 11
12 - 66

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 6
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 66

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Tuấn
Ông Thái Tân Dũng
Ông Trịnh Hữu Hiền
Ông Võ Trọng Thùy
Ông Trần Quang Sơn
Ông Nguyễn Nguyên Cầu
Ông Nguyễn Tri Hộ
Ông Đào Hùng Tiến
Ông Vũ Quang Thịnh

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Vinh
Ông Nguyễn Văn Trung
Bà Phan Thiên Hương
Ông Lê Hoàng Lân
Bà Sú Ngọc Bích

Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên chuyên trách (bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên chuyên trách
Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2013)

Ban Điều hành

Ông Trịnh Hữu Hiền

Ông Đặng Đức Toàn
Ông Đào Hùng Tiến

Ông Lê Nguyễn Trần Huấn
Ông Đinh Nguyễn Thiên Thanh

Ông Trần Đình Hưng
Ông Đinh Nguyễn An Khương
Ông Nguyễn Phi Long
Ông Nguyễn Hùng Liệt

Ông Ngô Ngọc Quang
Bà Nguyễn Thúy Hạnh
Bà Võ Thị Lan Hương

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc ngày 15 tháng 8 năm 2012, miễn nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc ngày 16 tháng 3 năm 2013)
Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2012)
Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2012, miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2012, miễn nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 9 năm 2012)
Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012)
Phó Tổng Giám đốc
Trưởng Phòng Kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là ông Trần Quang Sơn – Nguyễn Chủ tịch hội đồng quản trị. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng tại ngày lập báo cáo này là Ông Lê Minh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trịnh Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 17 tháng 4 năm 2013

Số: 104 /Deloitte-AUDHN-RE

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây (gọi tắt là “Ngân hàng”) được lập ngày 17 tháng 4 năm 2013, từ trang 7 đến trang 66. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Điều hành và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Điều hành tại trang 1 và 2, Ban Điều hành của Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 13 tháng 02 năm 2012 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với đoạn lưu ý liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ và hoàn tất hồ sơ pháp lý liên quan đến quyền sử dụng của lô đất 3.709 mét vuông tại số 1A Láng Hạ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng phát sinh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Điều hành, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

- (i) Như đã trình bày tại **Thuyết minh số 8 - Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng**, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có các số dư các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác đã bị quá hạn với số tiền gốc và lãi dự thu bị quá hạn tương ứng là 1.056.145.595.265 VND và 183.689.657.772 VND. Các tổ chức tín dụng này đã có nhiều công văn đề xuất lộ trình thanh toán gốc và lãi với Ngân hàng. Theo đó, các Tổ chức tín dụng này sẽ chủ động cân đối nguồn vốn để thanh toán dần số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng chậm nhất là đến cuối năm 2014 nếu Ngân hàng đồng ý cơ cấu lại gốc và lãi cho các Tổ chức tín dụng này. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập cho số dư gốc và lãi dự thu của các khoản tiền gửi bị quá hạn này.
- (ii) Như đã trình bày tại **Thuyết minh số 17 - Tài sản Có khác**, chi phí chờ phân bổ bao gồm giá trị chờ phân bổ của một số hợp đồng, phụ lục hợp đồng quảng cáo, tư vấn, mua bán dữ liệu tài chính với tổng số dư là 99.777.727.778 VND. Trên cơ sở đánh giá hiệu ứng tích cực cũng như khả năng sử dụng lâu dài mà các Hợp đồng này mang lại, Ban Điều hành đã thực hiện việc phân bổ giá trị các hợp đồng này trong vòng 36 tháng kể từ khi nghiệm thu hoàn thành. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá thời gian phân bổ hợp lý của các hợp đồng này.
- (iii) Như trình bày tại **Thuyết minh số 9 - Cho vay khách hàng**, số dư nợ đúp tiêu chuẩn của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 68.463.416.085 VND là số dư khoản vay quá hạn thanh toán gốc. Ban Điều hành đã thận trọng xem xét và đánh giá tình hình kinh doanh cũng như năng lực tài chính của khách hàng này và tin tưởng vào khả năng thu hồi khoản vay này trên cơ sở khách hàng trả lãi đúng hạn, có năng lực tài chính và hoạt động có lợi nhuận trong năm 2012. Tuy nhiên, Chúng tôi không đánh giá được tình hình thực hiện cam kết trả nợ của các khách hàng này. Theo đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về việc phân loại nhóm nợ đối với khoản vay này.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Mặc dù không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý:

- (i) Như trình bày ở **Thuyết minh số 15 - Các khoản phải thu**, trong năm 2011, Ngân hàng đã thực hiện việc ứng trước 149.636.417.500 VND cổ tức năm 2011 cho các cổ đông theo tỷ lệ 5% tính trên mệnh giá. Số tiền tạm ứng này được ghi nhận như một khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, lợi nhuận chưa phân phối của toàn Ngân hàng tại 31 tháng 12 năm 2011 là 104.466.236.065 VND. Như đã trình bày tại **Thuyết minh số 48 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**, Đại hội cổ đông Ngân hàng đã thông qua đề nghị của Hội đồng Quản trị về việc tiếp tục tham vấn các cơ quan chức năng trong việc xử lý các khoản này để đưa ra hướng xử lý cụ thể trong các kỳ họp tới. Ngân hàng đã xin ý kiến các cơ quan chức năng về phương án xử lý vấn đề này với 2 phương án xử lý là thu hồi tạm ứng vượt hoặc dự phòng nợ khó đòi. Chúng tôi xin lưu ý phương án thu hồi sẽ phụ thuộc quyết định của Đại hội cổ đông dựa trên kết quả tham vấn các cơ quan chức năng trong thời gian tới.
- (ii) Như trình bày tại **Thuyết minh số 16 - Các khoản lãi, phí phải thu**, số dư các khoản lãi dự thu bao gồm 71.799.712.210 VND lãi dự thu của một số hợp đồng tín dụng và ủy thác đầu tư. Theo các thỏa thuận trước đó giữa Ngân hàng và các khách hàng, Ngân hàng sẽ thực hiện việc miễn giảm toàn bộ số lãi này cho các khách hàng trong trường hợp các khách hàng hoàn tất các nghĩa vụ gốc và lãi của số dư của toàn bộ hợp đồng tín dụng và ủy thác đầu tư với Ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2013, Ngân hàng đã ký kết thỏa thuận nguyên tắc với các bên liên quan về việc không thực hiện miễn và khôi phục số lãi đã miễn trong năm 2012 kể trên. Hiện Ngân hàng đã thực hiện thông báo cho khách hàng và đang thực hiện ký kết bổ sung các phụ lục hợp đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này Ngân hàng và khách hàng đã thực hiện ký thỏa thuận khôi phục số lãi đã miễn với số tiền 14.855.454.293 VND. Ngân hàng tin tưởng rằng việc thực hiện ký kết Phụ lục hợp đồng khôi phục số lãi còn lại sẽ được thực hiện thành công và tiếp tục ghi nhận doanh thu đối với số lãi đã miễn này trong năm 2012. Chúng tôi xin lưu ý việc tiếp tục ghi nhận khoản lãi này phụ thuộc vào việc Ngân hàng ký được các thỏa thuận khôi phục lãi với khách hàng trong thời gian tới.
- (iii) Như trình bày tại **Thuyết minh số 5 - Phân loại lại khoản đầu tư** và **Thuyết minh số 48 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**, ngày 22 tháng 02 năm 2013, Ngân hàng đã ký Hợp đồng nhận thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị Tràng Cát là Dự án Khu Đô thị và Dịch vụ Tràng Cát ("Dự án") cùng với tất cả các quyền tài sản và lợi ích kinh tế khác, toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án. Giá trị tài sản thế chấp được tạm xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng là 3.869.842.400.000 VND, tương đương 185.800.000 Đô la Mỹ. Giá trị này là giá thị trường của phần diện tích đất đã đền bù và giải phóng mặt bằng của Dự án theo Chứng thư định giá ngày 05 tháng 3 năm 2012 của một đơn vị định giá độc lập. Tài sản đảm bảo này dùng để đảm bảo cho số dư nợ gốc vay, số dư gốc ủy thác đầu tư và số dư gốc trái phiếu được các bên xác định tại ngày 15 tháng 8 năm 2012 với tổng số tiền là 3.715.810.779.632 VND (chưa bao gồm số dư lãi dự thu).
- Ngoài ra, Dự án này còn được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận về việc mua bán các khoản đầu tư và mua cổ phiếu niêm yết hiện Công ty đang đầu tư, nắm giữ. Theo đó, Ngân hàng đã xử lý kế toán đối với các khoản đầu tư cụ thể như sau:
- Tại **Thuyết minh số 11 - Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**, giá thị trường của một số khoản đầu tư vào các chứng khoán vốn niêm yết do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành thấp hơn giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 số tiền là 195.422.590.423 VND. Tuy nhiên, căn cứ theo các cam kết mua lại theo các hợp đồng chuyền nhượng (trình bày ở **Thuyết minh số 5 - Phân loại lại khoản đầu tư**) và do đã được đảm bảo thực hiện hợp đồng bởi Dự án Tràng Cát nêu trên, Ngân hàng tin tưởng rằng các khoản đầu tư này sẽ được chuyền nhượng theo giá gốc của khoản đầu tư. Do vậy, Ngân hàng không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Mặc dù không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý (Tiếp theo):

- Tại **Thuyết minh số 5 - Phân loại lại khoản đầu tư**; trong năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện việc phân loại lại khoản đầu tư 4.500.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - Công ty cổ phần có giá gốc đầu tư là 153.000.000.000 VND từ khoản mục Đầu tư dài hạn khác sang khoản mục Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán do mục đích nắm giữ thay đổi. Việc phân loại được thực hiện do Ngân hàng đã ký hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư này cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà máy điện Sài Gòn Bình Thuận. Việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa 01 lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước về việc *Hướng dẫn rà soát phân loại và cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính*.
 - Do đã được đảm bảo thực hiện hợp đồng bởi Dự án Tràng Cát nêu trên, Ngân hàng tiếp tục ghi nhận lãi dự thu phát sinh cũng như không trích lập dự phòng cho một số khoản đặt cọc mua trái phiếu và ủy thác đầu tư đã quá hạn thanh toán như:
 - Các khoản đặt cọc mua trái phiếu tại các tổ chức khác với số gốc và lãi quá hạn tương ứng lần lượt là 209.183.629.200 VND (tại 31 tháng 3 năm 2013 số dư là 71.799.712.210 VND) (trình bày tại **Thuyết minh số 15 - Các khoản phải thu**) và 115.246.207.621 VND (trình bày tại **Thuyết minh số 16 - Các khoản lãi và phí phải thu**);
 - Các khoản ủy thác đầu tư tại các tổ chức và cá nhân khác với số gốc và lãi quá hạn tương ứng lần lượt là 464.889.631.400 VND (tại 31 tháng 3 năm 2013 số dư là 170.000.000.000 VND) (trình bày tại **Thuyết minh số 17 - Tài sản Có khác**) và 226.982.895.383 VND (trình bày tại **Thuyết minh số 16 - Các khoản lãi và phí phải thu**).
 - Trong năm 2011, Ngân hàng đã ký hợp đồng mua đất xây dựng với Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ để làm trụ sở ngân hàng tại số 1A phố Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội với diện tích lô đất là 3.709 mét vuông có tổng giá trị là 1.003.924 triệu VND. Theo hợp đồng mua đất này thì Ngân hàng cũng được quyền sở hữu dự án, bao gồm thương quyền phát sinh của dự án, thông qua việc được quyền sở hữu hợp pháp 94% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ. Ngày 09 tháng 6 năm 2011, Ngân hàng đã chỉ định cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Tây (công ty 100% vốn của Ngân hàng) đứng tên sở hữu 94% số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ. Như đã trình bày tại **Thuyết minh số 5**, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ kèm theo khu đất, công trình tại số 1A Láng Hạ nằm trong danh mục chuyển nhượng thuộc Hợp đồng mua bán danh mục đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận. Theo đó, Ban Điều hành đã thận trọng đánh giá và tin tưởng vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư này trên cơ sở giá trị của tài sản và tài sản đảm bảo là Dự án Tràng Cát nêu trên. Chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản đầu tư này sẽ phụ thuộc vào khả năng thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đã ký và/hoặc khả năng xử lý tài sản đảm bảo nêu trên.
- (iv) Nhu trình bày tại **Thuyết minh số 9 - Cho vay khách hàng**, số dư nợ đủ tiêu chuẩn của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:
- Số dư 74.000.000.000 VND là hai khoản vay được tái cơ cấu vào ngày 03 tháng 7 năm 2012. Tính đến thời điểm 31 tháng 3 năm 2013, hai khách hàng này vẫn tuân thủ theo điều khoản và điều kiện của hợp đồng tái cơ cấu đã ký kết với Ngân hàng;
 - Số dư 320.000.000.000 VND là dư nợ được chuyển sang từ các hợp đồng ủy thác và được cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ (cả gốc và lãi) đến năm 2015. Các nghĩa vụ của các hợp đồng này được đảm bảo chung bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 4, tờ bản đồ số 5, xã Hữu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được Ngân hàng định giá là 1.974.075 triệu VND, đây là tài sản do Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo đứng tên chủ sở hữu. Như trình bày tại **Thuyết minh số 9**, tài sản này được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng có tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.347.432.823.677 VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Mặc dù không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý (Tiếp theo):

Ban Điều hành đã thận trọng xem xét và đánh giá tình hình kinh doanh cũng như năng lực tài chính của các khách hàng và tin tưởng vào khả năng trả nợ đúng hạn của các khách hàng trong tương lai. Chúng tôi xin lưu ý việc tiếp tục phân loại nợ đủ tiêu chuẩn đối với các khoản này phụ thuộc vào việc Ngân hàng có thể thực hiện thu hồi thành công các khoản này trong thời gian tới.

- (v) Như trình bày tại **Thuyết minh số 9 - Cho vay khách hàng**, số dư các khoản cho vay khách hàng bao gồm 40.536.364.447 VND là số dư các khoản nợ đã quá hạn trả gốc, lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và đã được hoàn trả tính đến ngày lập báo cáo tài chính này. Trên cơ sở đánh giá yếu tố tích cực từ việc thu hồi này, Ban Điều hành đã phân loại các khoản cho vay này vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn và nợ cần chú ý.
- (vi) Như trình bày tại **Thuyết minh số 15 - Các khoản phải thu**, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư các khoản phải thu bao gồm khoản đặt cọc với số tiền 51.600.000.000 VND cho một cá nhân để thực hiện việc mua nhà và đất tại địa chỉ số 12 Phạm Đình Toái, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị mua theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 15 tháng 2 năm 2012 là 129 tỷ VND để phục vụ kinh doanh của Ngân hàng. Tính đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng vẫn đang tiếp tục đàm phán với đối tác để thực hiện hợp đồng. Chúng tôi xin lưu ý việc tiếp tục thực hiện giao dịch mua nhà đất này phụ thuộc vào việc đàm phán thành công với đối tác bán nhà đất.
- (vii) Trong năm 2012, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện việc thanh tra toàn diện hoạt động của Ngân hàng. Ngày 24 tháng 5 năm 2012, cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước đã công bố kết luận Thanh tra và yêu cầu Ngân hàng thực hiện điều chỉnh báo cáo tài chính năm 2011 và quý II/2012. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, còn một số kiến nghị của Thanh tra chưa được Ngân hàng khắc phục hoàn toàn. Chi tiết việc thực hiện các điều chỉnh theo kết luận thanh tra của Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước được trình bày tại **Thuyết minh số 47** trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Chúng tôi xin lưu ý đối với các vấn đề mà Ngân hàng chưa thực hiện đầy đủ theo Kết luận của Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng sẽ phải tiếp tục báo cáo tình hình khắc phục với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.
- (viii) Như trình bày ở **Thuyết minh số 2 - Cơ sở lập báo cáo tài chính**, ngày 16 tháng 3 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng đã phê chuẩn về mặt nguyên tắc cho phép hợp nhất Ngân hàng TMCP Phương Tây với một tổ chức tín dụng khác theo nội dung Đề án đã được Hội đồng quản trị trình Ngân hàng Nhà nước. Do vậy, Ban Điều hành tin tưởng rằng báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý và pháp nhân hình thành sau khi hợp nhất sẽ tiếp nhận nguyên trạng toàn bộ tình hình tài chính của Ngân hàng.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 4 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02/TCTD-HN
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6	38.809.772.793	57.242.215.873
II.	Tiền gửi tại NHNN	7	869.313.689.501	44.926.659.046
III.	Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	8	1.529.103.905.099	3.662.323.686.988
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		1.179.103.905.099	3.662.323.686.988
2.	Cho vay các TCTD khác		350.000.000.000	-
IV.	Cho vay khách hàng		5.147.982.787.058	8.810.997.771.049
1.	Cho vay khách hàng	9	5.253.894.919.045	8.854.234.440.084
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(105.912.131.987)	(43.236.669.035)
V.	Chứng khoán đầu tư	11	2.900.893.690.324	2.735.853.796.534
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		2.903.400.713.674	2.739.588.142.384
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(2.507.023.350)	(3.734.345.850)
VI.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	134.850.914	185.863.139.179
1.	Đầu tư dài hạn khác		2.014.259.085	187.714.259.085
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.879.408.171)	(1.851.119.906)
VII.	Tài sản cố định		1.207.138.643.166	1.265.745.397.745
1.	Tài sản cố định hữu hình	13	83.624.112.712	86.122.781.760
a.	Nguyên giá TSCĐ		110.672.659.556	106.453.417.545
b.	Hao mòn TSCĐ		(27.048.546.844)	(20.330.635.785)
2.	Tài sản cố định vô hình	14	1.123.514.530.454	1.179.622.615.985
a.	Nguyên giá TSCĐ		1.135.523.531.096	1.188.358.866.076
b.	Hao mòn TSCĐ		(12.009.000.642)	(8.736.250.091)
VIII.	Tài sản Có khác		3.429.188.022.596	3.787.689.196.886
1.	Các khoản phải thu	15	1.268.198.437.100	1.233.758.746.072
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	16	1.403.942.483.140	479.581.222.142
3.	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		10.789.379.278	-
4.	Tài sản Có khác	17	746.257.723.078	2.074.349.228.672
TỔNG TÀI SẢN CÓ			15.122.565.361.451	20.550.641.863.300

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 66 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02/TCTD-HN
Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
	B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	18	-	417.559.949.356
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	752.688.724.910	3.815.165.525.634
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		453.688.724.910	3.535.165.525.634
2.	Vay các TCTD khác		299.000.000.000	280.000.000.000
III.	Tiền gửi của khách hàng	20	10.929.952.238.611	12.629.595.269.155
IV.	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	21	58.957.123.353	82.658.204.075
V.	Phát hành giấy tờ có giá	22	21.216.444	200.087.062.929
VI.	Các khoản nợ khác		177.643.791.668	238.747.643.085
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		96.616.556.248	214.384.552.438
2.	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		24.944.431.945	-
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác	23	56.019.803.475	23.344.192.613
4.	Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10	63.000.000	1.018.898.034
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		11.919.263.094.986	17.383.813.654.234
VII.	Vốn và các quỹ	25	3.199.346.778.366	3.162.784.765.019
1.	Vốn của TCTD		2.993.434.350.000	2.993.434.350.000
a.	Vốn điều lệ		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
b.	Thặng dư vốn cổ phần		2.000.000.000	2.000.000.000
c.	Cổ phiếu quỹ		(8.565.650.000)	(8.565.650.000)
2.	Quỹ của TCTD		64.884.178.954	64.884.178.954
3.	Lợi nhuận chưa phân phối		141.028.249.412	104.466.236.065
VIII.	Lợi ích của cổ đông thiểu số		3.955.488.099	4.043.444.047
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.122.565.361.451	20.550.641.863.300

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
1.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	38	7.302.105.740	132.014.381.393
2.	Bảo lãnh khác		-	10.186.500.000
			7.302.105.740	121.827.881.393

Người lập

Võ Thị Lan Hương
Trưởng Phòng Kế toán

Ngày 17 tháng 4 năm 2013

Người kiểm soát

Ngô Ngọc Quang
Phó Tổng Giám đốc



Người phê duyệt

Trịnh Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 66 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03/TCTD-HN
Đơn vị: VND

STT CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2012		2011
		2012	2011	
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	1.835.068.720.562	2.022.022.390.289	
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(1.482.992.327.656)	(1.609.165.653.828)	
I. Thu nhập lãi thuần		352.076.392.906	412.856.736.461	
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		5.037.616.844	10.620.621.510	
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		(8.647.140.872)	(5.340.954.839)	
II. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	(3.609.524.028)	5.279.666.671	
III. Lỗ/(lãi) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	30	(1.189.271.860)	31.098.916.298	
IV. Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	31	44.801.308.329	(2.682.720.850)	
5. Thu nhập từ hoạt động khác		15.282.745.310	11.889.616.205	
6. Chi phí hoạt động khác		(4.193.042.923)	(3.183.039.044)	
V. Lãi thuần từ hoạt động khác	32	11.089.702.387	8.706.577.161	
VI. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	(746.799.906)	
VII. Chi phí hoạt động	33	(284.577.160.623)	(280.488.543.941)	
VIII. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		118.591.447.111	174.023.831.894	
IX. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(67.607.564.918)	(13.464.719.036)	
X. Tổng lợi nhuận trước thuế		50.983.882.193	160.559.112.858	
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	(354.772.127)	(39.799.271.001)	
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34	(14.155.052.667)	-	
XI. Chi phí thuế TNDN	34	(14.509.824.794)	(39.799.271.001)	
XII. Lợi nhuận sau thuế TNDN		36.474.057.399	120.759.841.857	
XIII. Lợi ích của cổ đông thiểu số		(87.955.948)	6.789.700	
XIV. Lãi thuần của chủ sở hữu		36.562.013.347	120.753.052.157	
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	122	424	

Người lập

Võ Thị Lan Hương
Trưởng Phòng Kế toán

Ngày 17 tháng 4 năm 2013

Người kiểm soát

Ngô Ngọc Quang
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt



Trịnh Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 66 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 04/TCTD-HN
Đơn vị: VND

STT CHỈ TIÊU	2012	2011
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	910.707.459.564	1.653.846.858.350
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.600.760.323.846)	(1.471.501.842.311)
03. Lỗ từ hoạt động dịch vụ nhận được	(3.609.524.028)	5.279.666.671
04. Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	43.612.036.469	31.098.916.298
05. Thu nhập khác	5.201.702.387	8.828.337.543
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	41.000.000	42.608.000
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(274.558.210.748)	(268.230.067.311)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(10.620.238.205)	(59.838.409.079)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	(929.986.098.407)	(100.473.931.839)
Những thay đổi về tài sản hoạt động	7.345.340.480.756	(10.113.790.049.324)
09. Giảm/(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	2.379.350.100.184	(2.638.621.237.500)
10. Giảm/(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	21.887.428.710	(505.552.547.325)
11. Giảm/(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	3.600.339.521.039	(4.881.687.318.969)
12. Giảm/(Tăng) khác về tài sản hoạt động	1.343.763.430.823	(2.087.928.945.530)
Những thay đổi về công nợ hoạt động	(5.360.150.858.764)	9.990.949.260.155
13. (Giảm)/Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(417.559.949.356)	348.977.166.131
14. (Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(3.062.476.800.724)	2.533.049.221.393
15. (Giảm)/Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	(1.699.643.030.544)	7.036.335.101.744
16. (Giảm)/Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(23.701.080.722)	72.753.232.603
17. (Giảm) giấy tờ có giá, ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính	(200.065.846.485)	(1.719.366.153)
18. Tăng khác về công nợ hoạt động	43.295.849.067	5.154.262.437
19. Chi từ quỹ của TCTD	-	(3.600.358.000)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.055.203.523.585	(223.314.721.008)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01. Mua sắm tài sản cố định	(3.054.304.180)	(1.138.074.005.538)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	23.095.000	1.006.878.971
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(87.408.735)	(29.620.000.000)
04. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	-	810.000.000
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3.118.617.915)	(1.165.877.126.567)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 66 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 04/TCTD-HN
Đơn vị: VND

STT CHỈ TIÊU	2012	2011
LUU CHUYỀN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
01. Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	- 1.000.000.000.000	
02. Cổ tức trả cho cổ đông	- (149.636.417.500)	
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	- 850.363.582.500	
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.052.084.905.670	(538.828.265.075)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	825.871.324.407	1.364.699.589.482
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 35)	1.877.956.230.077	825.871.324.407

Người lập

Võ Thị Lan Hương
Trưởng Phòng Kế toán

Ngày 17 tháng 4 năm 2013

Người kiểm soát

Ngô Ngọc Quang
Phó Tổng Giám đốc

Trịnh Hữu Hiền
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 66 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”, viết tắt là “NHTMCPPT”); tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Western Joint Stock Commercial Bank (gọi tắt là “Westernbank”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0016/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 1992.

Ngân hàng được chấp thuận chuyển đổi từ ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần theo Quyết định số 1199/QĐ-NHNN do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 05 tháng 6 năm 2007.

Ngân hàng được chấp nhận chuyển đổi tên tiếng Việt từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Miền Tây thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây theo Quyết định số 1048/QĐ-NHNN do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2010. Tên tiếng Anh của Ngân hàng là Western Commercial Joint Stock Bank.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các giao dịch ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây có trụ sở chính đặt tại số 127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Sở Giao dịch, mười ba (13) chi nhánh, năm mươi bảy (57) phòng giao dịch và bốn (04) quỹ tiết kiệm đang hoạt động tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có 01 công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động chính	% sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phương Tây	1800805372	Mua bán nợ và quản lý tài sản	100%

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phương Tây được Ngân hàng chỉ định đứng tên sở hữu 94% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ theo thông báo đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần thứ 7 ngày 24 tháng 10 năm 2011 cho Công ty Cổ phần đầu tư Láng Hạ. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ cũng được coi là công ty con của Ngân hàng. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ cũng được coi là công ty con của Ngân hàng cho mục đích hợp nhất.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 886 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 913 người).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Như trình bày tại **Thuyết minh số 48 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**, ngày 16 tháng 3 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng đã phê chuẩn về mặt nguyên tắc cho phép hợp nhất Ngân hàng TMCP Phương Tây với một tổ chức tín dụng khác theo nội dung Đề án đã được Hội đồng quản trị trình Ngân hàng Nhà nước. Ban Điều hành đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng việc hợp nhất này sẽ không làm suy giảm giá trị sổ sách của các tài sản của Ngân hàng. Đồng thời, việc hợp nhất cũng sẽ dẫn đến việc hình thành một pháp nhân mới kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng cũ. Do đó, Ban Điều hành đánh giá rằng việc vận dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 21 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 02/2013/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này thay thế Chỉ thị số 05/2005/CT-NHNN ngày 26 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 780/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung, một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005. Thông tư số 02/2013/TT-NHNN sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2013. Ban Điều hành Ngân hàng đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Ngân hàng.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và báo cáo tài chính của các công ty do Ngân hàng kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Ngân hàng được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Ngân hàng. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Ngân hàng trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiểu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay tổ chức tín dụng dưới 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 ("Quyết định 493") và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 18") của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, và Quyết định số 780/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2012 do Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ ("Quyết định 780"), tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ dù tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493 và Quyết định 18.

Từ ngày 23 tháng 4 năm 2012, Ngân hàng đã chính thức áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2012 về việc "Phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ". Theo đó, các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn và gia hạn nợ được Tổ chức tín dụng đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Nếu không áp dụng việc cơ cấu nợ theo Quyết định số 780/QĐ-NHNN nêu trên, số dư giữa các nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng có thể thay đổi so với số liệu báo cáo.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Nhóm dư Nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ dù tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo Quyết định 493, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối quý cho ba quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho quý bốn trong năm tài chính.

Theo Quyết định 493, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tồn thắt chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ bị suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493 và Quyết định 18 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quyết định 493. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 5 theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ dù tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cam kết.

Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11 năm 2012. Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại thuyết minh trên. Chi phí dự phòng được hạch toán vào khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được phân loại theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 04 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước và được trình bày theo giá gốc. Dự phòng giám giá cho các chứng khoán này được trích lập theo quy định tại công văn trên.

Đối với chứng khoán vốn đã niêm yết, Ngân hàng sẽ đánh giá giá trị khoản đầu tư theo giá đóng cửa vào ngày lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch vào ngày lập báo cáo tài chính, Ngân hàng lấy theo giá đóng cửa phiên gần nhất. Đối với chứng khoán nợ chưa niêm yết và có giao dịch trên thị trường, Ngân hàng đã thực hiện thu thập báo giá trực tiếp của 3 công ty chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính để làm cơ sở đánh giá giá trị khoản đầu tư.

Khi giá thị trường tăng lên, lợi nhuận sẽ được bù trừ với, nhưng không được vượt quá khoản dự phòng đã được trích lập trước đó. Phần chênh lệch sẽ không được ghi nhận như là thu nhập cho tới khi chứng khoán được bán.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi đòn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi đòn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đổi ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi đòn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư (Tiếp theo)

Đầu tư góp vốn dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời ngân hàng và công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định và quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữ vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Ủy thác đầu tư, đặt cọc mua bán trái phiếu

Hoạt động ủy thác, đặt cọc mua bán trái phiếu của Ngân hàng là hoạt động ngân hàng ủy thác, đặt cọc khoản tiền cho bên đối tác để thực hiện các nghiệp vụ theo nội dung theo mục đích trong hợp đồng ủy thác, đặt cọc. Giá trị khoản ủy thác, đặt cọc được ghi nhận khi Ngân hàng và các bên nhận ủy thác đã ký kết hợp đồng ủy thác, đặt cọc. Các quyền lợi và nghĩa vụ khác được thực hiện theo điều khoản ghi trong hợp đồng đã ký kết.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian hữu dụng ước tính (số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng có thời hạn sử dụng là không xác định và không trích khấu hao.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực hiện.

Các khoản phí dịch vụ được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu từ tiền lãi ủy thác đầu tư, đặt cọc môi giới trái phiếu được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu từ bán trái phiếu được hạch toán vào ngày giao dịch khi nghĩa vụ của Ngân hàng đã được xác nhận tại thời điểm bên đối tác đã xác nhận nghĩa vụ thanh toán của họ trong hợp đồng.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập và chi phí từ dịch vụ khác

Các khoản thu nhập và chi phí từ dịch vụ khác được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tắc. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 tại **Thuyết minh số 49**). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trong năm.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu (Tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Cân trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận vốn từ cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các loại thuế, được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 25% vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ thường Ban Điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ dự trữ này được trích lập vào thời điểm cuối niên độ kế toán.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc: theo điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

Trợ cấp mất việc: theo điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - Kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - Có góp vốn vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - Có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

5. PHÂN LOẠI LẠI KHOẢN ĐẦU TƯ

Ngày 01 tháng 8 năm 2012, Ngân hàng (“bên Bán”) đã ký kết các Hợp đồng mua bán danh mục đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà máy điện Sài Gòn Bình Thuận (“bên Mua”) để thực hiện việc chuyển nhượng lại danh mục đầu tư với các điều khoản chính của các hợp đồng này như sau:

STT	Danh mục chuyên nhượng	Giá chuyển nhượng (VND)	Giá trị sổ sách (VND)	Thời hạn thực hiện
1.	Khoản đầu tư vào 5.177.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn Quy Nhơn	385.387.160.500	385.387.160.500	Thời gian thực hiện ước tính của việc chuyển nhượng là 36 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Trong 36 tháng, nếu các khoản đầu tư có phát sinh hoa lợi, cổ tức, bên Bán chuyển toàn bộ hoa lợi, cổ tức phát sinh đó cho bên Mua. Việc thanh toán sẽ được thực hiện một lần tại thời điểm cuối của kỳ hạn 36 tháng hoặc thanh toán một lần bằng chuyển khoản do bên Mua quyết định. Bên Bán có quyền quyết định không chuyển nhượng lại khoản đầu tư trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
2.	Khoản đầu tư 2.364.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ, tương đương tỷ lệ sở hữu 94%.	1.003.924.320.000	1.003.924.320.000	Thời gian thực hiện ước tính tối đa của việc chuyển nhượng là 30 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Kể từ tháng thứ 19, nếu bên Mua chưa thanh toán sẽ phải chịu lãi phạt bằng lãi suất huy động từ tổ chức ký hạn 12 tháng của bên Bán cộng thêm 2%.
3.	Khoản đầu tư 770.000 cổ phần Đại học Dân lập Hùng Vương, TP Hồ Chí Minh, tương đương với tỷ lệ sở hữu 11%.	7.700.000.000	7.700.000.000	
4.	Khoản đầu tư 13.795.560 cổ phần của Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu 4,66%.	276.816.394.423	276.816.394.423	
5.	Khoản đầu tư 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn, tương đương với tỷ lệ sở hữu 4,03%.	25.000.000.000	25.000.000.000	

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

5. PHÂN LOẠI LẠI KHOẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Việc thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán nêu trên được đảm bảo thực hiện bằng toàn bộ Dự án Tràng Cát và 100% giá trị khoản vốn góp của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Đô thị Tràng Cát. Các cam kết thế chấp các tài sản đảm bảo này đã hình thành trên cơ sở các thỏa thuận bằng văn bản giữa Ngân hàng và phía đối tác tại ngày 08 tháng 8 năm 2012. Như đã trình bày tại **Thuyết minh số 48 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**, ngày 22 tháng 02 năm 2013, Ngân hàng đã ký Hợp đồng nhận thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên thứ ba là Dự án Khu Đô thị và Dịch vụ Tràng Cát (“Dự án”) cùng với tất cả các quyền tài sản và lợi ích kinh tế khác, toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án. Giá trị tài sản thế chấp được tạm xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng là 3.869.842.400.000 VND, tương đương 185.800.000 Đô la Mỹ. Giá trị này là giá thị trường của phần diện tích đất đã đền bù và giải phóng mặt bằng của Dự án theo Chứng thư định giá ngày 05 tháng 3 năm 2012 của một đơn vị định giá độc lập.

Do việc hình thành cam kết bán danh mục đầu tư như trình bày ở trên, Ngân hàng đã thực hiện phân loại lại một số khoản đầu tư theo các hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước. Chi tiết các khoản đầu tư trọng yếu được phân loại lại trong năm bao gồm:

Khoản đầu tư	Phân loại		
	Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2012	Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2011	Chú thích
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Kinh Bắc	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	Đầu tư dài hạn khác	(ii)
Trường Đại học Dân lập Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	Đầu tư dài hạn khác	(iii)

(i) Khoản đầu tư vào 4.500.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - Công ty Cổ phần có giá gốc là 153.000.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ sở hữu 1,52%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị thị trường của số cổ phiếu này thấp hơn giá trị ghi sổ là 126.450.000.000 VND. Tuy nhiên, căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng và tài sản đảm bảo thực hiện hợp đồng nêu trên, Ban điều hành Ngân hàng đã thận trọng đánh giá và tin tưởng vào khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này với giá trị thu hồi không thấp hơn giá trị sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Do đó, Ngân hàng đã không thực hiện việc trích dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này;

(ii) Khoản đầu tư vào 1.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn có giá gốc là 25.000.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ sở hữu 4,03%. Ban điều hành Ngân hàng đã thận trọng đánh giá và tin tưởng vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư này. Trên cơ sở đó, Ngân hàng không thực hiện việc trích lập dự phòng;

(iii) Khoản đầu tư vào 770.000 cổ phiếu của Trường Đại học Dân lập Hùng Vương có giá gốc đầu tư là 7.700.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ sở hữu 11%. Ban điều hành Ngân hàng đã thận trọng đánh giá và tin tưởng vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư này. Trên cơ sở đó, Ngân hàng không thực hiện việc trích lập dự phòng.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

6. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt bằng VND	33.178.790.567	45.200.839.477
Tiền mặt bằng ngoại tệ	5.630.982.226	12.041.376.396
	38.809.772.793	57.242.215.873

7. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi tại NHNN	869.313.689.501	44.926.659.046

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Cụ thể:

Theo Quyết định số 1925/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 8 năm 2011:

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng đồng Việt Nam là 3% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3%);
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng đồng Việt Nam là 1% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1%).

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng ngoại tệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ là 8% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8%);
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng ngoại tệ là 6% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 6%).

8. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>		
Bằng VND	75.326.498.494	539.549.997.460
Bằng ngoại tệ	47.631.811.340	99.152.452.028
	122.958.309.834	638.702.449.488
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>		
Bằng VND (*)	1.056.145.595.265	2.919.481.237.500
Bằng ngoại tệ	-	104.140.000.000
	1.056.145.595.265	3.023.621.237.500
	1.179.103.905.099	3.662.323.686.988

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

8. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC (Tiếp theo)

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (Tiếp theo)

(*) Thủ hiện là 1.056.145.595.265 VND gốc của các hợp đồng tiền gửi đã quá hạn thanh toán tại một số ngân hàng thương mại cổ phần (số dư lãi là 183.689.657.772 VND) được trình bày tại **Thuyết minh số 16**. Các tổ chức tín dụng này đã có nhiều công văn đề xuất lộ trình thanh toán gốc và lãi với Ngân hàng. Theo đó, các Tổ chức tín dụng này sẽ chủ động cân đối nguồn vốn để thanh toán dần số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng chậm nhất là đến cuối năm 2014 nếu Ngân hàng đồng ý cơ cấu lại gốc và lãi cho các Tổ chức tín dụng này. Ngân hàng đang tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi các khoản tiền gửi nêu trên và tin tưởng rằng sẽ thu hồi đầy đủ.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho vay bằng VND	350.000.000.000	-

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân	5.203.077.262.372	8.723.500.463.618
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	49.623.150.593	121.092.181.984
Cho vay thấu chi	1.194.506.080	9.641.794.482
	5.253.894.919.045	8.854.234.440.084

Số dư các khoản cho vay khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- 40.536.364.447 VND là số dư các khoản nợ đã quá hạn trả gốc và lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và đã được hoàn trả tính đến ngày lập báo cáo tài chính này. Trên cơ sở đánh giá yếu tố tích cực từ việc thu hồi này, Ban Điều hành đã phân loại các khoản cho vay này vào nhóm nợ dù tiêu chuẩn và nợ dưới chuẩn.

- 320.000.000.000 VND là dư nợ được chuyển sang từ các hợp đồng ủy thác và cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ (cả gốc và lãi) đến năm 2015. Các nghĩa vụ của các hợp đồng này được đảm bảo chung bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 4, tờ bản đồ số 5, xã Hữu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được Ngân hàng định giá là 1.974.075 triệu VND, đây là tài sản do Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo đứng tên chủ sở hữu. Tài sản này được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng có tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.347.432.823.677 VND.

Phân tích chất lượng cho vay

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nợ dù tiêu chuẩn (*)	4.454.457.172.046	8.349.427.654.076
Nợ cần chú ý	418.182.880.864	389.534.699.814
Nợ dưới tiêu chuẩn	36.327.014.414	40.490.046.587
Nợ nghi ngờ	113.184.632.836	41.531.944.009
Nợ có khả năng mất vốn	231.743.218.885	33.250.095.598
	5.253.894.919.045	8.854.234.440.084

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)

(*) Số dư các khoản phân loại nợ đủ tiêu chuẩn bao gồm một số khoản sau:

- Số dư 68.463.416.085 VND là khoản vay quá hạn thanh toán gốc. Ban Điều hành đã thận trọng xem xét và đánh giá tình hình kinh doanh cũng như năng lực tài chính của khách hàng này và tin tưởng vào khả năng thu hồi khoản vay này trên cơ sở khách hàng trả lãi đúng hạn, có năng lực tài chính và hoạt động có lợi nhuận trong năm 2012;
- Số dư 74.000.000.000 VND là hai khoản vay được tái cơ cấu vào ngày 03/7/2012. Tính đến thời điểm 31 tháng 3 năm 2013, hai khách hàng này vẫn tuân thủ theo điều khoản và điều kiện của hợp đồng tái cơ cấu đã ký kết với Ngân hàng. Trong việc thực hiện phân loại này, Ban Điều hành đã thận trọng xem xét và đánh giá tình hình kinh doanh cũng như năng lực tài chính của các khách hàng và tin tưởng vào khả năng trả nợ đúng hạn của các khách hàng trong tương lai.

Hiện nay, Ngân hàng đang xem xét cơ cấu lại các khoản vay này theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian gốc khoản cho vay

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	3.929.930.219.374	6.726.703.822.305
Nợ trung hạn	1.186.477.815.583	1.905.459.631.774
Nợ dài hạn	137.486.884.088	222.070.986.005
	5.253.894.919.045	8.854.234.440.084

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Cho vay các tổ chức kinh tế ("TCKT")				
Công ty cổ phần	2.678.335.125.970	50,98	5.778.476.087.336	65,26
Công ty TNHH tư nhân	307.751.925.973	5,86	513.940.447.705	5,8
Công ty cổ phần Nhà nước	68.463.416.086	1,30	344.682.141.809	3,89
Công ty TNHH nhà nước	-	-	104.140.000.000	1,18
Công ty tư nhân	66.927.397.808	1,27	102.353.201.530	1,16
Kinh tế tập thể	2.191.416.462	0,04	14.742.534.180	0,17
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.800.000.000	0,03	1.975.000.000	0,02
Doanh nghiệp Nhà nước	706.200.000	0,01	1.349.750.000	0,02
địa phương				
Doanh nghiệp Nhà nước	-	-	439.550.000	0,00
trung ương				
Công ty hợp danh	249.800.000	0,01	83.600.000	0,00
	3.126.425.282.299	59,50	6.862.182.312.560	77,50
Cho vay cá nhân				
	2.127.469.636.746	40,50	1.992.052.127.524	22,50
	5.253.894.919.045	100,00	8.854.234.440.084	100,00

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

9. CHO VAY KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	227.111.853.800	4,32	3.473.097.253.959	39,23
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình	1.991.864.271.883	37,91	1.776.116.637.333	20,06
Xây dựng	1.592.525.094.467	30,31	1.391.982.815.575	15,72
Hoạt động kinh doanh bất động sản	240.054.910.000	4,57	1.035.126.210.000	11,69
Công nghiệp chế biến, chế tạo	195.679.774.032	3,72	362.197.639.773	4,09
Hoạt động dịch vụ khác	20.603.890.289	0,39	326.788.704.308	3,69
Vận tải kho bãi	181.856.642.441	3,46	203.850.658.357	2,30
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	272.035.553.578	5,18	138.699.976.220	1,57
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.720.847.950	0,03	107.057.239.394	1,21
Khai khoáng	-	-	14.623.750.000	0,17
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	320.521.110.000	6,10	10.137.537.665	0,11
Giáo dục và đào tạo	7.277.610.605	0,14	7.666.970.000	0,09
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.904.100.000	0,04	4.642.707.500	0,05
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	229.400.000	0,01	1.279.000.000	0,01
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	445.250.000	0,01	775.650.000	0,01
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	200.064.610.000	3,81	191.690.000	-
	5.253.894.919.045	100,00	8.854.234.440.084	100,00

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

10. THAY ĐỔI TĂNG/(GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	105.912.131.987	43.236.669.035
Dự phòng công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	63.000.000	1.018.898.034
	105.975.131.987	44.255.567.069

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm của năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.095.477.922	30.141.191.113	43.236.669.035
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	60.199.671.653	7.407.893.265	67.607.564.918
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.093.000.000)	(3.839.101.966)	(4.932.101.966)
Số dự phòng sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	72.202.149.575	33.709.982.412	105.912.131.987

Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng

	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	1.018.898.034	1.018.898.034
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(955.898.034)	(955.898.034)
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	63.000.000	63.000.000

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán		
Chứng khoán chính phủ	304.206.564.805	570.696.551.534
Chứng khoán nợ do TCTD phát hành	100.155.613.096	-
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000
	2.204.362.177.901	2.370.696.551.534
Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán		
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành (*)	694.903.554.923	354.223.485.000
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	4.134.980.850	14.668.105.850
	699.038.535.773	368.891.590.850
Tổng cộng	2.903.400.713.674	2.739.588.142.384
Dự phòng giảm giá chứng khoán để bán	(2.507.023.350)	(3.734.345.850)
	2.900.893.690.324	2.735.853.796.534

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá thị trường của một số khoản đầu tư vào các chứng khoán vốn niêm yết do các TCKT trong nước phát hành đang thấp hơn giá ghi sổ số tiền là 195.422.590.423 VND. Tuy nhiên, căn cứ theo các cam kết mua lại theo các hợp đồng chuyển nhượng (trình bày ở **Thuyết minh số 5 - Phân loại lại khoản đầu tư**), Ngân hàng tin tưởng rằng các khoản đầu tư này sẽ được chuyển nhượng theo giá gốc của khoản đầu tư. Do vậy, Ngân hàng không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY
 127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
 TP.Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

THUỶẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các *thuỷết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (Tiếp theo)

Chứng khoán Nợ sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán Nợ sẵn sàng để bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Mệnh giá	31/12/2012	Giá trị ghi sổ	31/12/2011	Mệnh giá	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (i)	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
Trái phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (ii)	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu chính phủ (iii)	300.000.000.000	304.206.564.805	570.000.000.000	570.696.551.534	-	-
Trái phiếu iO chức tín dụng (iv)	100.000.000.000	100.155.613.096	-	-	-	-
	<u>2.200.000.000.000</u>	<u>2.204.362.177.901</u>	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>2.370.696.551.534</u>	<u>2.370.696.551.534</u>

- (i) *Trái phiếu Công Ty Phát Triển Đô thi Kinh Bắc* là các trái phiếu được phát hành trong năm 2009 có thời hạn 5 năm và có lãi suất 11,50%/năm, tiền lãi được trả hàng năm. Trong năm, Ngân hàng đã ký các phụ lục với tổ chức phát hành gia hạn việc trả lãi đến thời điểm đáo hạn của gốc trái phiếu thay vì thanh toán định kỳ hàng năm như hợp đồng gốc quy định.
- (ii) *Trái phiếu Công Ty Cổ Phân Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn* là trái phiếu được phát hành trong năm 2009 có thời hạn 5 năm và có lãi suất là 12,50%/năm, tiền lãi được trả hàng năm. Trong năm, Ngân hàng đã ký các phụ lục với tổ chức phát hành gia hạn việc trả lãi đến thời điểm đáo hạn của gốc trái phiếu thay vì thanh toán định kỳ hàng năm như hợp đồng gốc quy định.
- (iii) *Trái phiếu Chính Phủ* là các trái phiếu được phát hành trong 2 năm 2011 và 2012, có thời hạn 2 đến 3 năm và có lãi suất từ 9,6% năm đến 12,10% năm, tiền lãi được trả hàng năm.
- (iv) *Trái phiếu iO chức tín dụng* là trái phiếu của Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) phát hành ngày 26 tháng 11 năm 2011 có kỳ hạn 2 năm, lãi suất cố định 11,2%/năm.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (Tiếp theo)

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán

Chứng khoán Vốn sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá gốc VND	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc VND	% sở hữu của Ngân hàng
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn	385.387.160.500	4,71%	354.223.485.000	3,97%
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	276.816.394.423	4,67%	-	0%
Trường Đại học Dân lập Hùng Vương	7.700.000.000	0,67%	-	0%
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn	25.000.000.000	4,03%	-	0%
	694.903.554.923		354.223.485.000	
Đầu tư vào các TCTD				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	10.533.125.000	0,06%	10.533.125.000	0,06%
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	4.134.980.850	0,09%	4.134.980.850	0,09%
	14.668.105.850		14.668.105.850	
	709.571.660.773		368.891.590.850	

Dự phòng chứng khoán sẵn sàng để bán

	2012		2011	
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01		3.734.345.850		1.051.625.000
Trích lập thêm		-		2.682.720.850
Hoàn nhập trong năm		(1.227.322.500)		-
Tại ngày 31 tháng 12		2.507.023.350		3.734.345.850

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

12. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Chi tiết các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu của Ngân hàng	Giá trị ghi sổ VND	% sở hữu của Ngân hàng
Tổng Công ty Cổ phần phát triển đô thị Kinh Bắc (*)	-	0,00%	153.000.000.000	1,52%
Công ty cổ phần đầu tư Sài Gòn (*)	-	0,00%	25.000.000.000	0,67%
Trường Đại học Dân lập Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh (*)	-	0,00%	7.700.000.000	11%
Công ty cổ phần địa ốc Miền Tây (**)	2.014.259.085	4,03%	2.014.259.085	4,03%
	2.014.259.085		187.714.259.085	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.879.408.171)		(1.851.119.906)	
Giá trị còn lại cuối năm	134.850.914		185.863.139.179	

(*) Biến động số dư các khoản đầu tư này do ảnh hưởng của việc phân loại lại đã được trình bày tại **Thuyết minh số 5**.

(**) *Góp vốn vào Công ty Cổ phần Địa ốc Miền Tây*: Ngân hàng là một trong các cổ đông sáng lập Công ty và có cam kết góp vốn bằng 10% vốn điều lệ vừa Công ty, tương ứng 5.000.000.000 VND. Trong năm 2011, Ngân hàng tạm thu hồi một phần vốn đã góp do công ty đang trong quá trình giải quyết phán án. Số vốn tạm góp của Ngân hàng tại 31 tháng 12 năm 2012 là 2.014.259.085 VND, tương ứng 4,03% vốn điều lệ của Công ty.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2012	27.772.621.243	494.499.265	32.291.781.253	45.894.515.784	106.453.417.545
Tăng từ đầu tư XDCB hoàn thành và mua sắm TSCĐ	6.072.142.056	4.958.583.750	1.043.599.979	671.252.130	12.745.577.915
Thanh lý, nhượng bán	(84.153.318)	-	(37.916.929)	(1.745.312.415)	(1.867.382.662)
Giảm khác	-	-	-	(6.658.953.242)	(6.658.953.242)
Tại ngày 31/12/2012	<u>33.760.609.981</u>	<u>5.453.083.015</u>	<u>33.297.464.303</u>	<u>38.161.502.257</u>	<u>110.672.659.556</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2012	2.383.103.368	9.148.463	7.394.448.957	10.543.934.997	20.330.635.785
Khấu hao trong năm	2.331.607.821	118.169.344	3.461.365.419	4.840.099.011	10.751.241.595
Thanh lý, nhượng bán	(37.868.985)	-	(16.585.192)	(795.944.231)	(850.398.408)
Giảm khác	-	-	-	(3.182.932.128)	(3.182.932.128)
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.676.842.204</u>	<u>127.317.807</u>	<u>10.839.229.184</u>	<u>11.405.157.649</u>	<u>27.048.546.844</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2012	<u>29.083.767.777</u>	<u>5.325.765.208</u>	<u>22.458.235.119</u>	<u>26.756.344.608</u>	<u>83.624.112.712</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>25.389.517.875</u>	<u>485.350.802</u>	<u>24.897.332.296</u>	<u>35.350.580.787</u>	<u>86.122.781.760</u>

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.430.375.881	8.677.583.598

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư tại 01/01/2012	1.159.212.533.687	29.146.332.389	1.188.358.866.076
Tăng từ đầu tư XDCB hoàn thành và mua sắm TSCĐ trong năm	12.255.567.745	848.500.000	13.104.067.745
Phân loại lại	(65.939.402.725)	-	(65.939.402.725)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	1.105.528.698.707	29.994.832.389	1.135.523.531.096
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/01/2012	-	8.736.250.091	8.736.250.091
Khâu hao trong năm	-	3.272.750.551	3.272.750.551
Phân loại lại	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	-	12.009.000.642	12.009.000.642
Giá trị còn lại			
Số dư tại 31/12/2012	1.105.528.698.707	17.985.831.747	1.123.514.530.454
Số dư tại 31/12/2011	1.159.212.533.687	20.410.082.298	1.179.622.615.985

(*) Bao gồm số chênh lệch 940.683.401.890 VND giữa giá trị mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ tại ngày mua - thể hiện giá trị hợp lý của lô đất tại 1A Láng Hạ, Đồng Đa, Hà Nội tại ngày mua. Thời gian sử dụng của lô đất này sẽ kết thúc vào ngày 28 tháng 8 năm 2059. Lô đất này thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ - khoản đầu tư đã nằm trong danh mục thanh lý cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận theo các Hợp đồng mua bán danh mục đầu tư ký ngày 01 tháng 8 năm 2012. Trên cơ sở đánh giá thận trọng, Ban Điều hành tin tưởng vào khả năng thu hồi của tài sản này sẽ không thấp hơn giá trị ghi sổ. Do đó, Ban Điều hành Ngân hàng không thực hiện việc trích khấu hao của quyền sử dụng đất này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản phải thu	1.060.995.844.280	1.174.939.808.839
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, mua sắm tài sản cố định	207.202.592.820	58.818.937.233
	1.268.198.437.100	1.233.758.746.072

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU (Tiếp theo)

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản phải thu nội bộ		
Tạm ứng tiền lương, thưởng, công tác phí cho nhân viên	7.489.961.000	7.938.821.300
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	6.672.963.654	5.560.607.952
Các khoản tạm ứng chi tiêu hành chính quản trị	4.648.017.903	1.136.950.300
Chi phí xử lý tài sản đảm bảo nợ	574.313.802	251.343.000
	19.385.256.359	14.887.722.552
Các khoản phải thu bên ngoài		
Đặt cọc môi giới chứng khoán (i)	209.183.629.200	980.000.000.000
Tạm ứng cổ tức (ii)	149.636.417.500	149.636.417.500
Tạm ứng nộp Ngân sách Nhà nước	19.029.259.836	12.673.691.985
Các khoản tạm ứng cho các nhà thầu xây dựng	1.363.491.363	-
Đặt cọc tiền mua lô đất tại 12 Phạm Đình Toái, Quận 3 (iii)	51.600.000.000	-
Đặt cọc thuê và ứng trước tiền thuê văn phòng	4.357.648.230	7.496.767.580
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào	7.050.618.794	4.476.947.527
Tạm ứng chi phí xây dựng thương hiệu	2.013.373.452	2.013.373.452
Phải thu từ Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	1.450.052.465	1.543.990.723
Phải thu từ cho thuê nhà	-	1.193.098.178
Phải thu cổ tức	-	294.320.000
Phải thu tiền bán trái phiếu chính phủ (iv)	574.108.500.000	-
Các khoản phải thu khác	21.817.597.081	723.479.342
	1.041.610.587.921	1.160.052.086.287
	1.060.995.844.280	1.174.939.808.839

- (i) Bao gồm các khoản đặt cọc mua trái phiếu tại các tổ chức khác với số gốc quá hạn là 209.183.629.200 VND (tại 31 tháng 3 năm 2013 là 71.799.712.210 VND). Thời hạn của các hợp đồng này là 12 tháng và Ngân hàng được hưởng lãi suất từ 15,50%/năm đến 22%/năm trên số tiền đặt cọc theo quy định của từng hợp đồng. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, các khoản đặt cọc này đều đã bị quá hạn. Ngoài ra, để đảm bảo khả năng thu hồi, Ngân hàng đã nhận tài sản đảm bảo là Dự án Tràng Cát (như trình bày tại **Thuyết minh số 5**). Ban Điều hành đã thận trọng đánh giá và tin tưởng vào khả năng thu hồi của các khoản đặt cọc này. Do đó, Ngân hàng không thực hiện việc trích lập dự phòng.
- (ii) Khoản tạm ứng cổ tức theo tỷ lệ 5% trên mệnh giá cho các cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2011. Theo báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, lợi nhuận chưa phân phối của toàn Ngân hàng tại 31 tháng 12 năm 2011 là 104.466.236.065 VND. Chi tiết về kế hoạch xử lý khoản tạm ứng này được trình bày tại **Thuyết minh số 48** kèm theo.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU (Tiếp theo)

- (iii) Đây là khoản đặt cọc cho một cá nhân để thực hiện việc mua lô đất tại địa chỉ số 12 Phạm Đình Toái, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị mua theo Thỏa thuận đặt cọc ngày 15 tháng 2 năm 2012 là 129 tỷ VND với mục đích phục vụ kinh doanh của Ngân hàng. Tính đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng vẫn đang tiếp tục đàm phán với đối tác để thực hiện hợp đồng.
- (iv) Đây là khoản phải thu tiền bán trái phiếu chính phủ cho các tổ chức tín dụng khác. Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện giao dịch bán 500 tỷ VND mệnh giá trái phiếu chính phủ cho một số đối tác là các tổ chức tín dụng khác thông qua hình thức khớp lệnh trên hệ thống Reuters. Ngân hàng đã ghi nhận thu nhập tương ứng từ nghiệp vụ này với số tiền là 44.195.212.329 VND tại ngày khớp lệnh như đã trình bày tại **Thuyết minh số 31**. Ngân hàng đã thu hồi được các khoản phải thu này trong tháng 01 năm 2013.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Mua sắm và sửa chữa TSCĐ	32.244.596.750	48.691.096.976
Chi phí XDCB dở dang	174.957.996.070	10.127.840.257
	207.202.592.820	58.818.937.233

Chi tiết công trình xây dựng

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công trình 1A Láng Hạ	159.762.409.286	-
Công trình xây dựng trụ sở ở Cần Thơ	13.112.749.844	7.201.436.844
Công trình xây dựng chi nhánh Đà Nẵng	527.584.750	527.584.750
Công trình khác	1.555.252.190	2.398.818.663
	174.957.996.070	10.127.840.257

16. CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI THU

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, số dư các khoản lãi, phí phải thu bao gồm một số khoản dự thu quá hạn như sau:

- (i) Các khoản lãi phải thu liên quan tới các hợp đồng ủy thác đầu tư, đặt cọc mua trái phiếu đã được đảm bảo thực hiện bởi Dự án Tràng Cát (trình bày tại **Thuyết minh số 5**). Theo đó, Ban Điều hành Ngân hàng đã đánh giá và tin tưởng rằng các khoản lãi này sẽ được Ngân hàng thu hồi theo tiến độ đã thống nhất với khách hàng/dối tác:
 - Khoản lãi dự thu 226.982.895.383 VND (bao gồm 143.210.089.828 VND lãi dự thu từ các hợp đồng ủy thác đầu tư bị quá hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn, Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư SGI - trình bày ở **Thuyết minh số 17 - Tài sản Có khác** và 83.772.805.555 VND lãi dự thu quá hạn của các hợp đồng ủy thác đầu tư đã thu hồi gốc).
 - Khoản lãi dự thu 115.246.207.621 VND phát sinh từ số dư gốc các khoản đặt cọc mua trái phiếu bị quá hạn (như đã trình bày tại **Thuyết minh số 15 - Các khoản phải thu** trên đây).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

16. CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI THU (Tiếp theo)

- (ii) Khoản lãi dự thu 183.689.657.772 VND phát sinh từ số dư gốc các khoản tiền gửi bị quá hạn tại các TCTD khác (như đã trình bày ở **Thuyết minh số 8 - Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác**). Hiện tại, các TCTD khác đã có công văn xin gia hạn nợ với Ngân hàng. Theo đó, Ban Điều hành Ngân hàng tin tưởng rằng khoản lãi dự thu lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được thu hồi đầy đủ.

Số dư các khoản lãi, phí phải thu bao gồm 71.799.712.210 VND lãi dự thu của một số hợp đồng tín dụng và ủy thác đầu tư. Theo các thỏa thuận trước đó giữa Ngân hàng và các khách hàng, Ngân hàng sẽ thực hiện việc miễn giảm toàn bộ số lãi này cho các khách hàng trong trường hợp các khách hàng hoàn tất các nghĩa vụ gốc và lãi của số dư toàn bộ hợp đồng tín dụng và ủy thác đầu tư với Ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2013, Ngân hàng đã ký kết thỏa thuận nguyên tắc với các bên liên quan về việc không thực hiện miễn và khôi phục số lãi đã miễn trong năm 2012 kể trên. Hiện Ngân hàng đã thực hiện thông báo cho khách hàng và đang thực hiện ký kết bổ sung các phụ lục hợp đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ngân hàng và khách hàng đã thực hiện ký thỏa thuận khôi phục số lãi đã miễn với số tiền 14.855.454.293 VND. Ngân hàng tin tưởng rằng việc thực hiện ký kết Phụ lục hợp đồng khôi phục số lãi còn lại sẽ được thực hiện thành công và tiếp tục ghi nhận doanh thu đối với số lãi đã miễn này trong năm 2012.

Số dư các khoản phí và lãi phải thu bao gồm 758.159.304 VND phát sinh từ các khoản vay quá hạn thanh toán gốc và lãi và 14.752.520.265 VND phát sinh từ các khoản vay được cơ cấu trong năm 2012 và đã được phân loại về nhóm nợ dù tiêu chuẩn trước khi hết thời gian thử thách (như trình bày tại **Thuyết minh số 9**).

Ngoài ra, số dư các khoản lãi dự thu bao gồm 79.610.477.780 VND lãi dự thu từ khoản 320.000.000.000 VND là dư nợ được chuyển sang từ các hợp đồng ủy thác và cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ (cả gốc và lãi) đến năm 2015 (như trình bày ở **Thuyết minh số 9**). Các nghĩa vụ của các hợp đồng này được đảm bảo chung bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 4, tờ bản đồ số 5, xã Hữu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được Ngân hàng định giá là 1.974.075 triệu VND, đây là tài sản do Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo đứng tên chủ sở hữu.

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ủy thác đầu tư (i)	464.889.631.400	2.050.000.000.000
Chi phí chờ phân bổ (ii)	162.536.143.187	24.349.228.672
Khoản đầu tư vào khu đất tại huyện Chợn Thành, Bình Phước (iii)	108.823.289.400	-
Tài sản Có khác (iv)	10.008.659.091	-
	746.257.723.078	2.074.349.228.672

(i) Đây là các khoản ủy thác đầu tư để mua cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) phát sinh từ năm 2011 có thời hạn 12 tháng. Trong thời gian ủy thác đầu tư, Ngân hàng được trả lãi trên số tiền ủy thác. Số dư ủy thác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm số dư các khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn, Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư SGI với tổng số tiền là 464.889.631.400 VND (tại 31 tháng 3 năm 2013 số dư là 170.000.000.000 VND), có lãi suất từ 14,73% đến 17,52%/năm. Các hợp đồng ủy thác này được thế chấp bằng tài sản đảm bảo bổ sung là Dự án Khu đô thị và Dịch vụ Tràng Cát (như trình bày ở **Thuyết minh số 48** dưới đây). Số dư các khoản ủy thác đầu tư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 đều đã quá hạn thu hồi. Ban Điều hành đã thận trọng đánh giá và tin tưởng vào khả năng thu hồi của các khoản ủy thác đầu tư này. Do đó, Ngân hàng không thực hiện việc trích lập dự phòng cho các khoản ủy thác đầu tư này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC (Tiếp theo)

(ii) Bao gồm số dư chờ phân bổ của một số hợp đồng như sau:

- Giá trị còn lại của một số quảng cáo thương hiệu chờ phân bổ có giá trị 69.428.700.000 VND. Đây là khoản tiền chi cho quảng cáo theo Hợp đồng số 003/HĐQC/SGC-WB.2012 ngày 02 tháng 02 năm 2012 và Hợp đồng số 003/HĐQC/SGC-WB.2012 ngày 12 tháng 02 năm 2012 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Sài Gòn Tel - chi nhánh Hồ Chí Minh. Các hợp đồng quảng cáo này đã thực hiện nghiệm thu và thanh lý hợp đồng trong năm 2012. Ngân hàng thực hiện phân bổ giá trị các hợp đồng này trong 36 tháng kể từ khi nghiệm thu hoàn thành trên cơ sở đánh giá hiệu ứng tích cực cũng như khả năng sử dụng lâu dài mà các Hợp đồng này mang lại;
- Giá trị còn lại của một số hợp đồng quảng cáo thương hiệu có giá trị là 22.450.527.778 VND. Ngân hàng thực hiện phân bổ giá trị các hợp đồng này trong 36 tháng kể từ khi nghiệm thu hoàn thành trên cơ sở đánh giá hiệu ứng tích cực cũng như khả năng sử dụng lâu dài mà các Hợp đồng này mang lại;
- Giá trị còn lại của các hợp đồng tu vấn nâng cao năng lực hoạt động ký với nhà thầu AIG Việt Nam với số tiền 5.229.166.667 VND. Các hợp đồng này đã nghiệm thu trong tháng 8 năm 2012. Ngân hàng thực hiện phân bổ giá trị các hợp đồng này trong 36 tháng kể từ khi nghiệm thu hoàn thành trên cơ sở đánh giá hiệu ứng tích cực cũng như khả năng sử dụng lâu dài mà các Hợp đồng này mang lại;
- Giá trị còn lại của hợp đồng mua dữ liệu tài chính từ Công ty Cổ phần OTC với số tiền 2.669.333.333 VND. Hợp đồng này đã được nghiệm thu vào ngày 11 tháng 5 năm 2012. Ngân hàng thực hiện phân bổ giá trị hợp đồng này trong 36 tháng kể từ khi nghiệm thu hoàn thành trên cơ sở đánh giá hiệu ứng tích cực cũng như khả năng sử dụng lâu dài mà Hợp đồng này mang lại;
- Chi phí tiền lãi chờ phân bổ có giá trị là 40.148.691.774 VND. Đây là khoản tiền lãi trả trước cho khách hàng theo các hợp đồng tiền gửi sản phẩm Tiết kiệm linh hoạt và siêu linh hoạt có điều khoản trả lãi trước (chi tiết thông tin về loại hình sản phẩm này được trình bày tại **Thuyết minh số 20 – Tiền gửi của khách hàng**);

(iii) Theo Hợp đồng đặt cọc và chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước ngày 26 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phương Tây nhận chuyển nhượng 39.118,5 m² đất ở tại đô thị và 81.195,7 m² đất ở tại nông thôn thuộc địa bàn thị trấn Chơn Thành và xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước từ Công ty Cổ phần Võn Thái Thịnh. Trong năm 2012, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phương Tây đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng với phía đối tác và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các lô đất này. Hiện tại, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phương Tây đang tiến hành việc tìm kiếm đối tác để thực hiện việc chuyển nhượng lại các lô đất này.

(iv) Bao gồm giá trị tồn kho của thẻ cào điện thoại theo Hợp đồng số 001/2012/TV-PHUNG TAY/HĐMB giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Thịnh Vượng.

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<i>Vay NHNN</i>		
Vay cầm cố các giấy tờ có giá	-	47.021.897.947
Vay khác	-	370.538.051.409
	417.559.949.356	

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi của các TCTD khác	453.688.724.910	3.535.165.525.634
Vay các TCTD khác	299.000.000.000	280.000.000.000
	752.688.724.910	3.815.165.525.634

Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng VND	1.879.627.707	501.957.452.353
	1.879.627.707	501.957.452.353
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Bằng VND (*)	451.809.097.203	2.970.724.073.281
- Bằng ngoại tệ	-	62.484.000.000
	451.809.097.203	3.033.208.073.281
	453.688.724.910	3.535.165.525.634

(*) Bao gồm 223.000.000.000 VND là gốc của các hợp đồng tiền gửi đã quá hạn thanh toán.

Vay các TCTD khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Bằng VND	299.000.000.000	280.000.000.000
	299.000.000.000	280.000.000.000

Thể hiện giá trị số dư các khoản vay ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng khác chưa đến hạn thanh toán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn ("KKH")		
Tiền gửi KKH bằng VND	605.074.263.637	216.163.004.140
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	-	45.267.935
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	11.063.271.619	2.800.780.526
Tiền gửi có kỳ hạn ("CKH")		
Tiền gửi CKH bằng VND	644.412.397.790	5.018.445.169.306
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	9.416.843.382.965	7.018.822.156.144
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	-	93.726.000
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	252.558.922.600	372.997.665.104
Tiền ký quỹ		
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	-	227.500.000
	10.929.952.238.611	12.629.595.269.155

Ngân hàng huy động vốn theo hình thức thiết kế các sản phẩm gửi tiền gồm các sản phẩm chính sau đây:

- Sản phẩm tiền gửi linh hoạt là sản phẩm có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất cố định trong suốt thời gian gửi và kỳ hạn rút lãi có thể là: từ 13 tháng, từ 3 đến 6 tháng, từ 6 đến 9 tháng, từ 9 đến 12 tháng. Khách hàng có thể cầm cố sổ tiết kiệm để vay vốn tại Ngân hàng;
- Sản phẩm tiền gửi linh hoạt trả lãi trước: là sản phẩm rút tiền linh hoạt theo nhu cầu của khách hàng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất cố định suốt 1 năm trả trước hàng tháng hoặc hàng quý và khách hàng không được quyền rút trước gốc với Ngân hàng dưới 1 tháng, từ 1 đến 3 tháng, từ 3 đến 6 tháng, từ 6 đến 9 tháng, từ 9 đến 12 tháng. Tuy nhiên, khách hàng có thể đem sổ tiết kiệm để cầm cố vay vốn tại Ngân hàng;
- Sản phẩm tiền gửi siêu linh hoạt: là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng trả lô, lãi trả trước hàng tháng, lãi suất tiền gửi được tính theo bậc thang và thay đổi trong từng thời kỳ. Khách hàng có thể cầm cố sổ tiết kiệm để vay vốn tại Ngân hàng.

Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi của TCKT		
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các TCKT khác	637.547.599.681	5.048.151.654.836
Doanh nghiệp quốc doanh	73.272.299.513	139.937.011.110
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	14.807.392	1.341.178.871
	710.834.706.586	5.189.429.844.817
Tiền gửi của cá nhân	10.166.265.503.312	7.437.671.105.743
Tiền gửi của các đối tượng khác	52.852.028.713	2.494.318.595
	10.929.952.238.611	12.629.595.269.155

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	58.388.500.000	82.373.900.000
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	568.623.353	284.304.075
	58.957.123.353	82.658.204.075

Vốn tài trợ bằng VND là vốn ủy thác từ Ngân hàng Thế giới thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho việc tài trợ Dự án Tài chính Nông thôn. Những khoản vay này có kỳ hạn vay từ 1 năm đến 5 năm đối với VND và chịu mức lãi suất biến động hàng tháng. Mức lãi suất trong năm 2012 là từ 11,64%/năm đến 13,92%/năm (năm 2011: có mức lãi suất từ 11,64%/năm đến 13,92%/năm).

Vốn tài trợ bằng USD là vốn ủy thác từ Ngân hàng Thế giới thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho việc tài trợ Dự án Tài chính Nông thôn. Những khoản vay này có kỳ hạn từ 19 năm đến 21 năm và chịu mức lãi suất 0,75%/năm.

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kỳ phiếu		
Dưới 12 tháng	21.216.444	200.087.062.929
	21.216.444	200.087.062.929

Kỳ phiếu ghi danh có kỳ hạn từ 6 tháng tới 12 tháng và có lãi suất dao động từ 11,20% tới 13,50%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các khoản phải trả nội bộ		
Các khoản phải trả nhân viên	888.096.117	7.059.848.337
Quỹ trợ cấp mất việc làm	-	1.047.814.493
Quỹ khen thưởng	37.986.889	47.986.889
Quỹ phúc lợi	44.335.586	45.035.586
Phải trả khác	902.081.738	-
	1.872.500.330	8.200.685.305
Các khoản phải trả bên ngoài		
Chuyển tiền phải trả	11.680.000	6.142.134.690
Doanh thu chờ phân bổ	123.976.036	5.746.578.948
Các khoản chờ thanh toán	31.274.152.170	2.702.908.445
Phải nộp Ngân sách Nhà nước	460.422	224.769.030
Cố tức phải trả	-	144.404.640
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	5.260.000	87.024.000
Phải trả chi phí xây dựng công trình 1A Láng Hạ	22.731.774.517	-
Phải trả khác	-	95.687.555
	54.147.303.145	15.143.507.308
	56.019.803.475	23.344.192.613

24. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			
	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp (*) VND	Số đã nộp VND	Số dư cuối năm VND
Thuế GTGT	148.260.428	2.055.657.111	2.203.457.117	460.422
- Thuế GTGT dịch vụ	148.260.428	1.723.439.701	1.871.239.707	460.422
- Thuế GTGT kinh doanh NT	-	332.217.410	332.217.410	-
Các loại thuế khác	76.508.602	6.165.798.739	6.242.307.341	-
	224.769.030	8.221.455.850	8.445.764.458	460.422
Thuế TNDN	(11.817.219.145)	3.633.443.816	10.620.238.205	(18.804.013.534)
	(11.592.450.115)	11.854.899.666	19.066.002.663	(18.803.553.112)

(*) Trong năm 2012, số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa năm 2011 đã được sử dụng để bù trừ với số phát sinh của các nghĩa vụ thuế khác với số tiền là 3.278.671.689 VND.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY
127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các *thuỷết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Lợi ích cổ đông thiểu số
		VND	VND							
Số dư đầu năm	3.000.000.000,000	2.000.000.000	(8.565.650.000)	2.116.466	42.492.515.829	22.389.546.659	104.466.236.065	3.162.784.765.019	4.043.444.047	
Tăng trong năm Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	-	36.562.013.347	36.562.013.347	(87.955.948,00)
Số dư cuối năm	3.000.000.000,000	2.000.000.000	(8.565.650.000)	2.116.466	42.492.515.829	22.389.546.659	141.028.249.412	3.199.346.778.366	3.955.488.099	

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

	31/12/2012		31/12/2011	
	Tổng số VND	Vốn CP thường VND	Tổng số VND	Vốn CP thường VND
Vốn góp cổ đông	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	(8.565.650.000)	(8.565.650.000)	(8.565.650.000)	(8.565.650.000)
	2.993.434.350.000	2.993.434.350.000	2.993.434.350.000	2.993.434.350.000

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	(727.165)	(727.165)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	299.272.835	299.272.835
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2012	2011
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng (VND)	36.562.013.347	120.753.052.157
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu (VND)	36.562.013.347	120.753.052.157
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	299.272.835	285.026.260
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	122	424

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	292.287.279.533	539.517.839.108
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	904.326.494.652	826.569.272.148
Thu lãi từ ủy thác đầu tư	242.676.128.192	302.846.193.481
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	302.765.686.676	258.533.210.860
Thu lãi từ đặt cọc môi giới trái phiếu	79.237.457.622	66.056.527.776
Thu khác từ hoạt động tín dụng	13.775.673.887	28.499.346.916
	1.835.068.720.562	2.022.022.390.289

28. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2012 VND	2011 VND
Trả lãi tiền gửi	1.285.678.045.354	1.525.893.139.770
Trả lãi tiền vay	59.426.147.015	33.559.910.435
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	894.627.774	30.705.224.034
Chi phí hoạt động tín dụng khác	136.993.507.513	19.007.379.589
	1.482.992.327.656	1.609.165.653.828

29. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
<i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>		
Thu từ dịch vụ ngân quỹ và quản lý tài sản	154.252.117	4.282.155.407
Thu từ dịch vụ thanh toán	937.409.157	1.821.204.822
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	125.247.959	2.634.063.531
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	2.077.800	1.725.500
Thu khác	3.818.629.811	1.881.472.250
	5.037.616.844	10.620.621.510
<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>		
Chi về dịch vụ thanh toán	(3.020.960.403)	(4.142.744.372)
Kiểm đếm phân loại và đóng gói tiền	(364.842.261)	(593.505.773)
Chi phí về dịch vụ tư vấn	(2.500.000.000)	(15.173.270)
Chi phí hoa hồng môi giới	(1.830.249)	(3.626.899)
Vận chuyển bốc xếp tiền	(42.205.438)	(29.661.454)
Chi khác	(2.717.302.521)	(556.243.071)
	(8.647.140.872)	(5.340.954.839)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	(3.609.524.028)	5.279.666.671

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

30. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI VÀ VÀNG

	2012	2011
	VND	VND
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng</i>		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	5.216.878.816	98.352.901.306
Thu từ kinh doanh vàng	63.200	69.824.446
	5.216.942.016	98.422.725.752
<i>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng</i>		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(6.406.098.516)	(67.313.526.594)
Chi từ kinh doanh vàng	(115.360)	(10.282.860)
	(6.406.213.876)	(67.323.809.454)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	(1.189.271.860)	31.098.916.298

31. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư (*)		
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	44.816.212.329	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(14.904.000)	-
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	44.801.308.329	(2.682.720.850)

(*) Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện giao dịch bán 500 tỷ VND mệnh giá trái phiếu chính phủ cho một số đối tác là các TCTD khác thông qua hình thức khớp lệnh trên hệ thống Reuters. Ngân hàng đã ghi nhận thu nhập tương ứng từ các nghiệp vụ này với số tiền là 44.195.212.329 VND tại ngày khớp lệnh của các giao dịch này. Ban Điều hành Ngân hàng đánh giá việc ghi nhận doanh thu theo ngày giao dịch như trên là phù hợp với thông lệ quốc tế và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

32. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2012	2011
	VND	VND
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>		
Thu bồi thường do hủy hợp đồng	-	8.366.234.589
Thu thanh lý tài sản cố định	-	1.006.878.971
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng	5.888.000.000	-
Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	975.110.782	318.252.407
Thu từ nợ gốc đã xử lý	-	42.608.000
Thu từ nợ lãi đã xử lý	-	338.610.699
Thu từ các hợp đồng ủy thác đầu tư	126.119.511	-
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	147.723.831	22.675.000
Thu lãi phạt do thanh toán chậm	897.146.244	-
Thu nhập khác	7.248.644.942	1.794.356.539
	15.282.745.310	11.889.616.205
<i>Chi phí từ hoạt động khác</i>		
Chi phí quản lý danh mục đầu tư	(1.633.044.922)	(1.293.988.554)
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	(1.171.247.353)
Chi khác	(2.559.998.001)	(717.803.137)
	(4.193.042.923)	(3.183.039.044)
Lãi thuần từ hoạt động khác	11.089.702.387	8.706.577.161

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2012	2011
	VND	VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	19.173.913.316	10.745.265.241
Chi phí cho nhân viên		
Chi lương và phụ cấp	113.982.511.132	109.553.384.472
Các khoản chi đóng góp theo lương	8.555.076.666	5.338.477.693
Chi trợ cấp	1.578.222.689	730.652.862
	124.115.810.487	115.622.515.027
Chi về tài sản		
Chi phí thuê tài sản	41.077.581.474	39.848.925.182
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản, văn phòng	5.540.817.987	12.801.756.709
Chi khấu hao tài sản cố định	14.023.992.146	11.280.957.489
Chi mua sắm công cụ lao động	5.633.958.056	6.646.294.780
Chi mua bảo hiểm tài sản	267.774.855	336.220.694
	66.544.124.518	70.914.154.854
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
Chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại	18.861.699.955	46.113.508.857
Chi phí quản lý chung	21.158.355.664	12.996.765.297
Chi phí thông tin liên lạc	7.271.166.776	7.974.588.693
Chi mua vật liệu, giấy tờ in	4.436.311.718	1.852.777.406
Công tác phí	2.442.493.208	2.287.405.081
Chi phí đào tạo	637.029.836	698.024.662
Các khoản chi phí khác	8.491.624.145	3.035.479.823
	63.298.681.302	74.958.549.819
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	11.444.631.000	8.248.059.000
	284.577.160.623	280.488.543.941

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	VND	VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	50.983.882.193	160.559.112.858
Công		
Các khoản lãi từ công ty con	(1.974.762.814)	-
Ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh hợp nhất	6.857.479.321	-
Lỗ từ đánh giá ngoại tệ cuối năm	722.611.966	(1.104.320.000)
Chi phí không được khấu trừ	31.000.000	-
Chi phí chờ phân bổ đã phát hành hóa đơn	(99.777.727.778)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN của		
hệ thống Ngân hàng	(43.157.517.112)	159.454.792.858
Chi phí thuế TNDN của hệ thống NH theo thuế suất 25%	-	39.225.584.549
Chi phí thuế TNDN của công ty con theo thuế suất 25%	354.772.127	573.686.452
Thuế TNDN trong năm tài chính	354.772.127	39.799.271.001
Chênh lệch từ các khoản chi phí chờ phân bổ được ghi nhận chi phí trong các năm tiếp theo phát sinh Thuế TNDN hoãn lại phải trả	99.777.727.778	-
Chênh lệch từ lỗ chịu thuế phát sinh Tài sản thuế TNDN hoãn lại	(43.157.517.112)	-
Chênh lệch tạm thời	56.620.210.666	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại theo thuế suất 25%	14.155.052.667	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14.509.824.794	39.799.271.001
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(11.817.219.145)	8.221.918.933
Thuế TNDN nộp thừa được bù trừ với các loại thuế khác	3.278.671.689	-
Chi phí thuế TNDN của công ty con theo thuế suất 25%	354.772.127	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(10.620.238.205)	(59.838.409.079)
Thuế TNDN (nộp thừa) cuối kỳ	(18.804.013.534)	(11.817.219.145)

35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	38.809.772.793	57.242.215.873
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	869.313.689.501	44.926.659.046
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	122.958.309.834	638.702.449.488
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày	846.874.457.949	85.000.000.000
	1.877.956.230.077	825.871.324.407

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 05/TCTD-HN****36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN**

	2012	2011
I. Tổng số nhân viên bình quân (người)	886	913
II. Thu nhập của nhân viên (VND)		
1. Tổng quỹ lương	113.982.511.132	102.442.986.222
2. Tiền ăn trưa	-	5.310.390.000
3. Tổng thu nhập (1+2)	<u>113.982.511.132</u>	<u>107.753.376.222</u>
4. Tiền lương bình quân tháng/người	10.720.703	9.350.400
5. Thu nhập bình quân tháng/người	<u>10.720.703</u>	<u>9.835.102</u>

37. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẺ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	Giá trị sổ sách		
	VND	31/12/2012	31/12/2011
Chứng từ có giá	6.381.061.826.737	6.098.284.455.775	
Bất động sản	5.990.140.311.330	2.502.427.808.986	
Động sản	856.451.548.435	7.874.000.176.642	
Tài sản khác	724.920.328.748	520.305.000.000	
	<u>13.952.574.015.250</u>	<u>16.995.017.441.403</u>	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, trong số các tài sản đảm bảo mà Ngân hàng đang nắm giữ, không có tài sản nào mà Ngân hàng có thể bán lại hoặc tái thế chấp ngay cả khi khách hàng vẫn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

38. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện được các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**38. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (Tiếp theo)**

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0,00% đến 100,00% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cam kết bảo lãnh		
Bảo lãnh thanh toán	140.000.000	109.399.580.031
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.522.595.950	3.816.970.000
Bảo lãnh tiền ứng trước	1.790.000.000	8.461.331.362
Bảo lãnh dự thầu	37.200.000	150.000.000
Bảo lãnh bảo hành	1.812.309.790	-
	7.302.105.740	121.827.881.393
Thư tín dụng		
Thư tín dụng trả ngay	-	10.414.000.000
Trù:	-	227.500.000
Giá trị ký quỹ bảo lãnh	-	227.500.000
	7.302.105.740	132.014.381.393

39. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm các giao dịch phát sinh liên quan tới các cổ đông cũ của Ngân hàng, chi tiết như sau:

Các giao dịch	VND
Bên liên quan chuyển tiền đi	2.418.843.974.829
Bên liên quan chuyển tiền đến	1.872.578.734.012
Chuyển tiền vay cho bên liên quan	400.000.000.000
Thu nợ gốc vay từ bên liên quan	815.686.272.500
Thu nợ lãi vay từ bên liên quan	12.515.420.602
Trả lãi tiền gửi cho bên liên quan	3.322.074.827
Thu gốc ủy thác đầu tư từ bên liên quan	500.000.000
Thu lãi ủy thác đầu tư từ bên liên quan	47.653.960.817

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng không có các số dư trọng yếu với các bên liên quan cần được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ngân hàng huy động tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao là hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất hợp lý. Bên cạnh việc cho vay khách hàng, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư, kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc quản lý tập trung và nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng tốt và tính thanh khoản cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc thực hiện tuân thủ các quy định về dự trữ bắt buộc và duy trì một số lượng phù hợp tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản tiền gửi thanh toán tại các TCTD, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác, và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời.Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai hệ thống quản lý vốn tập trung và hệ thống thanh toán tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và giao dịch thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện và kiểm soát. Nhờ đó, Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra.

41. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Ngân hàng. Ngân hàng có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Ngân hàng chịu rủi ro hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản cho vay đối với một nhóm khách hàng liên quan.

Để kiểm soát rủi ro tín dụng hiệu quả, Ngân hàng đã thực hiện xây dựng chính sách tín dụng với chủ trương đa dạng hóa danh mục đầu tư, phân khúc ngành nghề và khu vực, và tập trung khai thác cho vay cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ để phát triển thị trường bán lẻ; Ban hành các hạn mức cho vay, tỷ lệ tài trợ so với giá trị tài sản đảm bảo áp dụng theo từng kỳ hạn vay, ngành nghề, khách hàng phù hợp; Thực hiện phân cấp thẩm quyền phê duyệt tín dụng dựa trên nguyên tắc độc lập theo mức thẩm quyền từ phòng giao dịch đến Hội sở; Ban hành và thực hiện các quy định chặt chẽ và thực hiện giám sát, kiểm tra và xử lý trong quá trình xem xét cấp tín dụng, giải ngân và kiểm tra sau cho vay.

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Quyết định số 228/QĐ-BTC.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

41. RỦI RO TÍN DỤNG (Tiếp theo)

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá được trình bày dưới đây:

Tài sản	Quá hạn			
	Dưới 90 ngày VND	91-180 ngày VND	181-360 ngày VND	Trên 360 ngày VND
Tài sản				
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác				
Tiền gửi tại TCTD khác			542.893.663.321	513.251.931.944
Cho vay khách hàng				
Tài sản có khác				
Ủy thác, đặt cọc cho các tổ chức kinh tế	220.000.000.000	-	-	7.455.549.455
Các khoản lãi, phí phải thu	-	-	60.581.899.431	123.107.758.341

Ngân hàng hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản tài chính này. Ngân hàng chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

42. RỦI RO LÃI SUẤT

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không chịu lãi;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 05/TCTD-HN****42. RỦI RO LÃI SUẤT (Tiếp theo)**

- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được xếp vào kỳ hạn từ 1 năm đến 5 năm;
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lãi suất khác nhau.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY
 127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
 TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thay đổi, minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. RỦI RO LÃI SUẤT (Tiếp theo)

	Quá hạn VND	Không chịu lãi VND	Điều chỉnh lãi suất trong khoảng thời gian					Tổng cộng VND
			Đến 1 tháng VND	Từ 1-3 tháng VND	Từ 3-6 tháng VND	Từ 6-12 tháng VND	Từ 1-5 năm VND	
TÀI SẢN								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	38.809.772.793	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi tại NHNN	-	-	869.313.689.501	-	-	-	-	869.313.689.501
Tiền gửi tại và cho vay các TCID khác (*)	1.056.145.595.265	-	472.958.309.834	-	-	-	-	1.529.103.905.099
Cho vay khách hàng (*)	669.400.005.982	83.532.375.705	390.579.507.053	1.594.157.412.005	6.945.874.032	1.296.994.254.023	892.285.490.245	320.000.000.000
Chứng khoán đầu tư (*)	-	699.038.535.774	-	-	-	-	2.204.362.177.900	2.903.400.713.674
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	2.014.259.085	-	-	-	-	-	2.014.259.085
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	-	1.207.138.643.166
Tài sản Cố khác (*)	1.900.519.826.578	1.528.668.196.018	-	-	-	-	-	3.429.188.022.596
TỔNG TÀI SẢN	3.626.065.427.825	2.352.063.139.375	1.732.851.506.388	1.594.157.412.005	6.945.874.032	1.296.994.254.023	3.096.647.668.145	1.527.138.643.166
NỢ PHAI TRẢ								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi và vay của các TCID khác	223.000.000.000	2.688.724.910	228.000.000.000	257.000.000.000	42.000.000.000	-	-	752.688.724.910
Tiền gửi của khách hàng	25.000.000	621.622.016.070	957.080.346.217	205.815.147.460	84.315.826.229	8.864.588.355.570	189.454.446.435	7.051.100.630
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCID chịu rủi ro	-	-	2.002.300.000	1.968.300.000	5.217.300.000	26.358.350.000	22.842.250.000	568.623.353
Phát hành giấy tờ có giá	21.216.444	-	-	-	-	-	-	21.216.444
Các khoản nợ khác (*)	14.103.607.708	163.477.183.960	-	-	-	-	-	177.580.791.668
TỔNG NỢ PHAI TRẢ	237.149.824.152	787.787.924.940	1.187.082.646.217	464.783.447.460	131.533.126.229	8.890.946.705.570	212.296.696.435	7.619.723.983
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bộ bảng	3.388.915.603.673	1.564.275.214.435	545.768.860.171	1.129.373.964.545	(124.587.252.197)	(7.593.952.451.547)	2.884.350.971.710	1.519.518.919.183
Các cam kết ngoài hàng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công ty (trong)	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bộ, ngoại bang	3.388.915.603.673	1.564.275.214.435	545.768.860.171	1.129.373.964.545	(124.587.252.197)	(7.593.952.451.547)	2.884.350.971.710	1.519.518.919.183
<i>(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.</i>								

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

42. RỦI RO LÃI SUẤT (Tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Ngân hàng đã có báo cáo số liệu về rủi ro lãi suất trên hệ thống nhưng chưa thực hiện triển khai việc phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

43. RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng Đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND và Đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	EUR được quy đổi VND	USD được quy đổi VND	Các ngoại tệ khác được quy đổi VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	5.592.942.840	9.463.370	5.602.406.210
Tiền gửi tại NHNN	-	24.889.795.956	-	24.889.795.956
Tiền gửi tại các TCTD và cho vay các TCTD khác	220.285.148	47.026.189.462	385.336.730	47.631.811.340
Cho vay khách hàng (*)	-	100.463.139.850	-	100.463.139.850
Tài sản Có khác (*)	-	2.395.320.391	-	2.395.320.391
TỔNG TÀI SẢN	220.285.148	180.367.388.499	394.800.100	180.982.473.747
Nợ phải trả				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	416.977	-	416.977
Tiền gửi của khách hàng	569.603	263.298.526.237	323.098.379	263.622.194.219
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	568.623.353	-	568.623.353
Các khoản nợ khác	-	490.034.516	1.143.472	491.177.988
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	569.603	264.357.601.083	324.241.851	264.682.412.537
Trạng thái tiền tệ nội bảng	219.715.545	(83.990.212.584)	70.558.249	(83.699.938.790)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	219.715.545	(83.990.212.584)	70.558.249	(83.699.938.790)

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

Độ nhạy đối với tỷ giá

Ngân hàng đã có báo cáo số liệu về rủi ro tỷ giá trên hệ thống nhưng chưa thực hiện việc phân tích độ nhạy đối với tỷ giá cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 do giao dịch và số dư về ngoại tệ của Ngân hàng chiếm tỷ trọng chưa lớn so với tiền VND.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

44. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- Thời gian đến hạn của cá khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán của các tổ chức tín dụng và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY
127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

THUỶẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuỷết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

44. RỦI RO THANH KHOẢN (Tiếp theo)

	Quá hạn		Đến 1 tháng		Trong hạn		Trên 5 năm		Tổng cộng VND
	Trên 3 tháng VND	Đến 3 tháng VND	Đến 1 tháng VND	Từ 1 - 3 tháng VND	Từ 3 - 12 tháng VND	Từ 1 - 5 năm VND			
TÀI SẢN									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	38.809.772.793	-	-	-	-	-	38.809.772.793
Tiền gửi tại NHNN	-	-	869.313.689.501	-	-	-	-	-	869.313.689.501
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.056.145.595.265	-	472.958.309.834	-	-	-	-	-	1.529.103.905.099
Cho vay khách hàng (*)	669.400.005.982	83.532.375.705	158.219.834.246	1.189.667.652.862	1.550.272.251.348	1.176.714.525.987	426.088.272.915	5.253.894.919.045	
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	404.362.177.900	-	-	2.499.038.535.774	-	2.903.400.713.674	
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	2.014.259.085	2.014.259.085	
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	1.207.138.643.166	1.207.138.643.166	
Tài sản Cố khác (*)	1.642.422.561.674	258.097.264.904	612.124.815.940	186.899.293.599	325.837.668.108	345.320.786.570	58.485.631.801	3.429.188.022.596	
TỔNG TÀI SẢN	3.367.968.162.921	341.629.640.609	2.555.788.600.214	1.376.566.946.461	1.876.109.919.456	4.021.073.848.331	1.693.726.806.967	15.232.863.924.959	
NỢ PHẢI TRẢ									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	223.000.000.000	-	259.688.724.910	228.000.000.000	42.000.000.000	-	-	-	752.688.724.910
Tiền gửi của khách hàng	25.000.000	-	1.578.702.362.287	205.815.147.460	8.948.904.181.799	189.454.446.435	7.051.100.630	10.929.952.238.611	
Phát hành giấy tờ có giá	21.216.444	-	-	-	-	-	-	-	21.216.444
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	2.002.300.000	1.968.300.000	31.575.650.000	22.842.250.000	568.623.353	58.957.123.353	
Các khoản nợ khác (*)	14.103.607.708	-	9.025.201.862	8.658.459.126	119.017.474.620	26.773.813.635	2.234.717	177.580.791.668	
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	237.149.824.152	-	1.849.418.589.059	444.441.906.586	9.141.497.306.419	239.070.510.070	7.621.958.700	11.919.200.094.986	
Mức chênh lệch thanh khoản	3.130.818.338.769	341.629.640.609	706.370.011.155	932.125.039.875	(7.265.387.386.963)	3.782.003.338.261	1.686.104.848.267	3.313.663.829.973	

(*) Không bao gồm dư phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN**45. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các cam kết thuê hoạt động	289.995.659.947	229.362.394.952
<i>Trong đó</i>		
- Đến hạn trong 1 năm	41.423.370.022	35.764.716.068
- Đến hạn từ 2 đến 5 năm	89.226.623.266	82.054.944.340
- Đến hạn sau 5 năm	159.345.666.659	111.542.734.544

46. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày tại Thuyết minh số 40 và 46 trên báo cáo tài chính hợp nhất để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà Nước.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và công ty con theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu, các khoản cho vay khách hàng và TCTD khác và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

46. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (Tiếp theo)

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh đối với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà Ngân hàng và công ty con chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

TP. Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

46. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (Tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (Tiếp theo)

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

- *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng hoặc công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY
127 Lý Trong, phường An Phú, quận Ninh Kiều
Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thay đổi minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

46.

THUYẾT MINH BỎ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ

Kinh doanh	Cho vay và phải thu	Tài sản và nợ khác			Giá trị hợp lý
		Sẵn sàng để bán	Tính toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	38.809.772.793	38.809.772.793
Tiền gửi tại NHNN	-	869.313.689.501	-	869.313.689.501	869.313.689.501
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	1.179.103.905.099	-	1.179.103.905.099	1.179.103.905.099
Cho vay khách hàng (*)	-	5.253.894.919.045	-	5.253.894.919.045	5.147.982.787.058
Chứng khoán đầu tư (**)	-	-	2.903.400.713.674	2.903.400.713.674	2.900.893.690.324
Góp vốn, đầu tư dài hạn (**)	-	-	-	2.014.259.085	2.014.259.085
Tài sản tài chính khác (**)	-	-	-	3.418.398.643.318	3.418.398.643.318
38.809.772.793	7.302.312.513.645	2.903.400.713.674	3.420.412.902.403	13.664.935.902.515	12.808.379.615.929
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	752.688.724.910	752.688.724.910	752.688.724.910
Tiền gửi của khách hàng	-	-	10.929.952.238.611	10.929.952.238.611	10.929.952.238.611
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư mà	-	-	58.957.123.353	58.957.123.353	58.957.123.353
TCTD chịu rủi ro	-	-	21.216.444	21.216.444	21.216.444
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	177.580.791.668	177.580.791.668	177.580.791.668
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	11.919.200.094.986	11.919.200.094.986	11.919.200.094.986

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều

Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

**46. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO
THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (Tiếp theo)**

(*) Do các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý nên giá trị hợp lý trên được tính bằng giá gốc trừ dự phòng rủi ro (nếu có).

(**) Đối với các chứng khoán niêm yết, giá trị hợp lý được phản ánh theo giá trị thị trường tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 (ngoại trừ các chứng khoán đã được cam kết bán theo giá trị ghi sổ). Riêng đối với các chứng khoán chưa niêm yết không có giá trị thị trường, giá trị hợp lý sẽ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng rủi ro (nếu có).

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

47. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU CHỈNH THEO KẾT LUẬN THANH TRA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Ngày 24 tháng 5 năm 2012, cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước đã công bố kết luận Thanh tra toàn diện hoạt động của Ngân hàng. Theo đó, tình hình thực hiện một số điều chỉnh theo các kết luận của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày dưới đây:

STT	Kiến nghị của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước về các khoản mục trên báo cáo tài chính	Tình hình và kế hoạch thực hiện tiếp theo (*)
1	Trích lập dự phòng bổ sung, xuất toán lãi phải thu đối với các khoản tín dụng Hoàn thiện hồ sơ cho vay theo đúng quy định đối với các khoản đặt cọc môi giới chứng khoán, ủy thác đầu tư mà bản chất là cho vay và hạch toán những khoản này vào tài khoản cho vay	Đến ngày 31/3/2013, dư nợ liên quan giảm xuống còn 1.617 tỷ VND và số dự phòng cho vay phải trích lập là 7,7 tỷ VND. Ngân hàng đã trích lập đầy đủ tại 31/3/2013. Đến ngày 31/3/2013, tổng đặt cọc môi giới trái phiếu và ủy thác đầu tư còn 242 tỷ VND, bao gồm ủy thác đầu tư 170 tỷ đồng và đặt cọc 72 tỷ VND. Hiện Ngân hàng vẫn đang tiếp tục làm việc với đối tác để thực hiện đầy đủ kiến nghị của Thanh tra.
2	Trích lập dự phòng và xuất toán lãi dự thu tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	Đối với các khoản tiền gửi liên ngân hàng, Ngân hàng đang tiến hành áp dụng các biện pháp để thu hồi hoặc chuyển tính chất khoản vay, do vậy, Ngân hàng đề nghị chưa áp dụng trích lập dự phòng và chưa xuất toán lãi phải thu quá hạn.
3	Dự phòng các khoản đầu tư vào cổ phiếu KBC	Khoản đầu tư dài hạn 4,5 triệu cổ phiếu KBC đã được ký hợp đồng chuyển nhượng: Hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư ngày 01/08/2012 ký kết giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà máy điện Sài Gòn Bình Thuận về việc chuyển nhượng các khoản đầu tư. Ngân hàng tin tưởng vào khả năng đối tác sẽ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng này theo giá không thấp hơn giá trị sổ sách của khoản đầu tư, do vậy, chưa trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với khoản này.
4	Điều chỉnh báo cáo tài chính năm 2011 và quý II/2012, tối thiểu phải điều chỉnh các khoản trích lập dự phòng, xuất toán lãi dự thu và các khoản ủy thác đầu tư mà bản chất là cho vay	Báo cáo tài chính năm 2011 của Ngân hàng đã được Đại hội cổ đông phê duyệt thông qua vào ngày 16/3/2013. Đồng thời, một số kiến nghị của Thanh tra đã được Ngân hàng thực hiện điều chỉnh từng phần (như trình bày tại các mục khác của Thuyết minh này) cũng như việc Ngân hàng đã yêu cầu đổi tác thành toán một phần dư nợ, bổ sung tài sản đảm bảo để đảm bảo cho các khoản vay mà Thanh tra đã kiến nghị trích lập dự phòng. Ngân hàng sẽ tích cực thu hồi các khoản tiền gửi, cho vay, ủy thác theo kiến nghị của Thanh tra và xử lý kế toán phù hợp với Đề án hợp nhất đã đệ trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

(*) Số liệu và tình hình thực hiện các kiến nghị của Thanh tra được cập nhật theo Báo cáo số 613/BC-NHPT ngày 04/4/2013 của Ngân hàng về thực hiện kiến nghị theo Kết luận thanh tra.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 05/TCTD-HN

48. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

48.1 Hợp đồng tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba

Ngày 22 tháng 02 năm 2013, Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba số 0202/2013/HDTC-DN với Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị Tràng Cát. Theo các điều khoản trong Hợp đồng, các tài sản được Ngân hàng nhận thế chấp bao gồm:

- (i) Dự án Khu đô thị và Dịch vụ Tràng Cát ("Dự án"): thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- (ii) Các quyền tài sản và lợi ích kinh tế phát sinh từ Quyết định giao đất và các văn bản/văn kiện có liên quan; giá trị đầu tư (bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng đã thực hiện được) gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc Dự án (tổng diện tích khu đất phát triển dự án tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 584,91 ha);
- (iii) Tất cả các quyền tài sản, quyền và lợi ích kinh tế khác phát sinh từ Dự án bao gồm nhưng không giới hạn bởi các quyền và lợi ích phát sinh từ việc đền bù đất thuộc Dự án, quyền thụ hưởng bảo hiểm của Dự án, quyền tài sản phát sinh/có liên quan đến quyền sử dụng đất của Dự án;
- (iv) Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của Dự án bao gồm:
 - Bất kỳ công trình nào hình thành trên đất của Dự án;
 - Bất kỳ cơ sở vật chất, hệ thống hạ tầng hình thành trên đất không phụ thuộc vào việc hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất sử dụng chung hay riêng cho toàn bộ Dự án và/hoặc một phần Dự án.

Các tài sản thế chấp này được dùng để đảm bảo cho nhiều nghĩa vụ khác nhau; trong đó bao gồm:

- (i) Nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận phát sinh theo các Hợp đồng chuyển nhượng các khoản đầu tư ngày 01 tháng 8 năm 2012 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận;
- (ii) Nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, mua trái phiếu, đặt cọc, ủy thác giữa Ngân hàng với một số đối tác từng được xem là các bên liên quan của Ngân hàng có số dư được các bên xác định tại ngày 15 tháng 8 năm 2012 với tổng số tiền là 3.715.810.779.632 VND (chưa bao gồm số dư lãi dự thu).

48.2 Đại hội đồng cổ đông năm 2013

Ngày 16 tháng 3 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng đã thông qua một số nội dung quan trọng bao gồm:

- (i) Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 với số tiền: 104.466.236.065 VND. Theo đó, cổ tức năm 2011 đã tạm ứng vượt lợi nhuận sau thuế cho cổ đông với số tiền 47.883.653.600 VND, Đại hội giao Hội đồng Quản trị tiếp tục nghiên cứu thêm và báo cáo vào kỳ đại hội tiếp theo. Ngân hàng đã xin ý kiến các cơ quan chức năng về phương án xử lý vấn đề này với 2 phương án xử lý là thu hồi tạm ứng vượt hoặc dự phòng nợ khó đòi;
- (ii) Miễn nhiệm chức danh một số thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và bổ nhiệm vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát các thành viên khác;
- (iii) Phê chuẩn về mặt nguyên tắc cho phép hợp nhất Ngân hàng TMCP Phương Tây với một tổ chức tín dụng khác theo nội dung Đề án đã được Hội đồng quản trị trình Ngân hàng Nhà nước.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHƯƠNG TÂY

127 Lý Tự Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều
Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 05/TCTD-HN****48. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****48.3 Thực hiện phong tỏa tài sản đảm bảo là cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (SQC)**

Ngày 06 tháng 3 năm 2013, Ngân hàng đã hoàn tất việc đăng ký phong tỏa tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tài sản đảm bảo của khách hàng là 44 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (Mã SQC). Số lượng cổ phiếu này tương đương với 40% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn. Số lượng cổ phiếu này được hình thành từ nhiều hợp đồng thế chấp khác nhau và được đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng, ủy thác và đặt cọc mua chứng khoán có số dư tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 1.019.183.629.200 VND (không bao gồm lãi dự thu).

49. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
EUR	27.306	26.782
AUD	21.266	21.197
USD	20.828	20.828

50. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Người lập

Võ Thị Lan Hương
Trưởng Phòng Kế toán

Ngày 17 tháng 4 năm 2013

Người kiểm soát

Ngô Ngọc Quang
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
PHƯƠNG TÂY
Số K.K.D: 1300172981
P/NINH KIỀU - Tỉnh Cà Mau

Trịnh Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
PHƯƠNG TÂY
Số K.K.D: 1300172981
P/NINH KIỀU - Tỉnh Cà Mau